

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Tel: 02083 829156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: Năm 2018

Lưu: VP Công ty cổ phần xi măng La Hiên

Thái Nguyên, tháng 3/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02083 829 156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
I	THÔNG TIN CHUNG	01
1	Thông tin khái quát	01
2	Quá trình hình thành và phát triển	01
3	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	07
4	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	08
5	Định hướng phát triển	10
6	Các rủi ro	15
II	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017	18
1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	18
2	Tổ chức và nhân sự	20
3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	23
4	Tình hình tài chính	23
5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	25
6	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	26
III	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	31
1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	31
2	Tình hình tài chính	36
3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	39
4	Kế hoạch phát triển trong tương lai	40
5	Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	41
6	Báo cáo đánh giá về trách nhiệm liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	41
IV	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	42
1	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	42
2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	43

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com.vn

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

STT	NỘI DUNG	TRANG
3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	44
V	QUẢN TRỊ CÔNG TY	47
1	Hội đồng quản trị	47
2	Ban kiểm soát	52
3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	58
VI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	60
1	Ý kiến kiểm toán	
2	Báo cáo tài chính được kiểm toán	



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600422240
- Vốn điều lệ: **100.000.000.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 132.579.111.593 đồng
- Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02083.829.156
- Số fax: 02083.829.056
- Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>
- Mã cổ phiếu: CLH

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển:

* Việc thành lập:

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên được thành lập theo Quyết định số 925/NL-BCCB-LD ngày 31/12/1994 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương), là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Than Nội Địa (nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP) thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Ngày 18/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3676/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên VVMi.

- Ngày 19/09/2007, Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt phương án và chuyển Nhà máy xi măng La Hiên VVMi thành Công ty cổ phần.

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số: 1703000349 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01 tháng 01 năm 2008.

- Ngày 16 tháng 06 năm 2010 bàn giao dự án “Đầu tư mở rộng nâng cao công suất Nhà máy xi măng La Hiên” đi vào hoạt động với tổng mức đầu tư được quyết toán là: 626.755 triệu đồng.

- Thay đổi về người đại diện theo pháp luật được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất số 4600422240 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 06/11/2012. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

*** Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:**

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Ngày 22 tháng 04 năm 2016 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 252/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CLH.

- Ngày 07/06/2016 mã chứng khoán CLH chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên sàn HNX.





CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMÍ

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiền - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

*** Giới thiệu về công ty:**



Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMÍ**

Tên viết tắt: **LHC**

Tên tiếng Anh: **VVMÍ LA HIÊN CEMENT JOIN STOCK COMPANY**

Biểu tượng của công ty:





Trụ sở chính của công ty: Xóm cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên.

*** Phương châm hoạt động:**

+ Luôn cam kết phân đấu, tìm hiểu kỹ khách hàng để đảm bảo sản phẩm và dịch vụ của mình cung ứng ra đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

+ Thường xuyên giáo dục cán bộ, công nhân viên để mọi người cùng hiểu rằng:

“CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM QUYẾT ĐỊNH SỰ HƯNG THỊNH CỦA CÔNG TY”

+ Luôn tổ chức việc giáo dục và đào tạo cho mọi cán bộ, công nhân viên không ngừng nâng cao trình độ, năng lực và chuyên môn nghiệp vụ của mình.

+ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2015 một cách có hiệu quả trên cơ sở tham gia của tất cả mọi người.

2.2. Các sự kiện khác trong năm 2018.

- Ngày 05/04/2018 Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, nhiệm kỳ III (2018-2023). Đại hội cũng đã bầu ra HĐQT và BKS cho nhiệm kỳ mới.





CÔNG TY CỔ PHẦN XI MANG LA HIÊN VVM

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

- Ngày 21/02/2018 Công ty tổ chức buổi lễ ra quân bán hàng đầu xuân trong không khí sôi nổi, khởi sắc cho hoạt động kinh doanh của năm tiếp theo:





CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên





CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

- Ngày 21 tháng 12 năm 2018 Công ty tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động SXKD năm 2018 và mở Hội nghị người lao động năm 2019. Tại Hội nghị này Công ty đã vinh dự nhận được sự chúc mừng của lãnh đạo Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP và các đơn vị trên địa bàn về việc hoàn thành trước kế hoạch SXKD:



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, clinker;
- Khai thác đá vôi, đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

3.2. Địa bàn kinh doanh:

- Công ty bán hàng cho trên 350 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.



- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu khu vực phía Bắc bao gồm các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, ...vv và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần xi măng la Hiên VVMi được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

4.1. Mô hình quản trị.

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc và 03 phó Giám đốc phụ trách các phân hành công việc.

- Công ty là công ty con của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty (51,383% vốn điều lệ).

- Công ty không có văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước.

- Công ty tổ chức giám sát công việc theo mô hình ma trận mở; bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của Công ty trên nguyên tắc tập trung dân chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của cá nhân Giám đốc và các Phó giám đốc khi thực hiện nhiệm vụ được giao.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMJ

Tel: 02083 829 156;

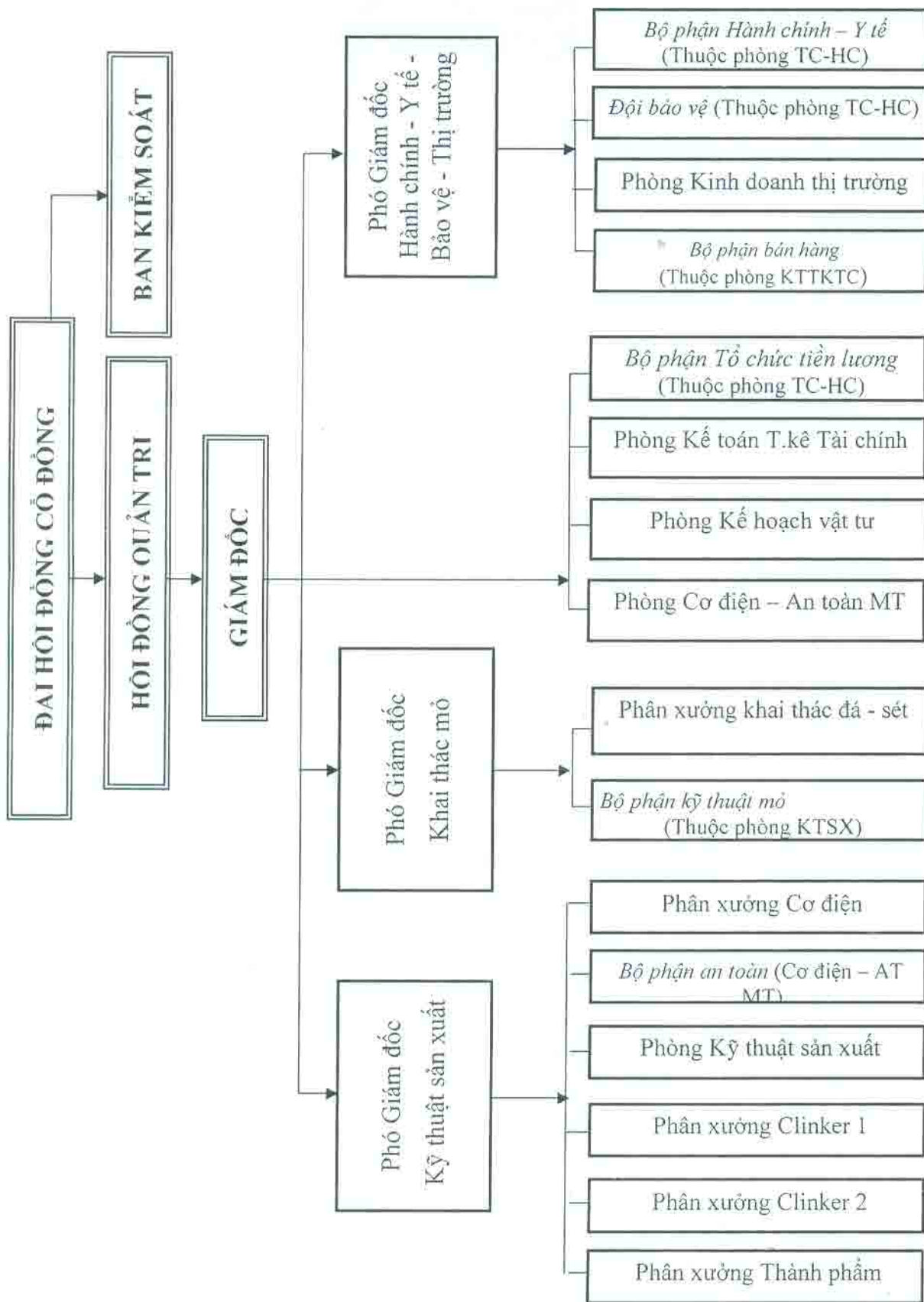
Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hien - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

4.2. Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/18:





*** Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần để thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) của Công ty.

*** Hội đồng quản trị:**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

*** Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, chịu trách nhiệm trước các cổ đông, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

*** Bộ máy điều hành:**

Đứng đầu bộ máy điều hành là ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó giám đốc phụ trách từng lĩnh vực.

Hiện nay theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tái cơ cấu sắp xếp thu gọn giảm các đầu mối quản lý, Công ty duy trì 06 phòng và 05 phân xưởng. Các phòng ban, phân xưởng đều có mối quan hệ gắn kết với nhau nhằm hỗ trợ trong việc thực hiện các công việc để hoạt động SXKD của Công ty luôn được thông suốt.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có công ty con và công ty liên kết.

5. Định hướng phát triển

Năm 2018 có thể nói là năm ấn tượng của kinh tế Việt Nam với các điểm nhấn về hội nhập kinh tế quốc tế khi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực. Đây cũng là năm tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt tốc độ cao nhất trong vòng 10 năm qua, trong đó thu hút FDI là “điểm sáng”.



Tổng cục Thống kê vừa công bố các chỉ số kinh tế - xã hội. Trong đó nổi bật là GDP cả nước năm 2018 tăng 7,08%, vượt xa chỉ tiêu Quốc hội giao là 6,7%. Con số này khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.

Kết quả tăng trưởng khả quan trong năm 2018 là điều kiện thuận lợi, tạo đà cho tăng trưởng năm 2019; tuy nhiên năm 2019 nền kinh tế cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như:

- Thứ nhất, kinh tế có thể bị tác động tiêu cực từ các biến động của kinh tế thế giới, trong đó nổi bật là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung.

- Thứ hai, mô hình tăng trưởng mặc dù có sự cải thiện song chưa rõ rệt, tăng trưởng vẫn chủ yếu dựa vào các nguồn lực như vốn đầu tư và tín dụng, trong khi chất lượng, hiệu quả sử dụng các nguồn lực này chưa cao.

- Thứ ba, chất lượng lao động chưa được cải thiện cùng năng lực khoa học - công nghệ ở mức thấp có thể ảnh hưởng tới lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường quốc tế và khả năng thu hút các dòng vốn tới Việt Nam.

- Thứ tư, công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành đã có tăng trưởng ấn tượng trong thời gian qua nhưng đang có xu hướng tăng chậm lại.

- Thứ năm, xuất khẩu đối mặt với nhiều khó khăn khi mà các chính sách bảo hộ thương mại của nhiều đối tác lớn chính thức áp dụng với nhiều hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

- Thứ sáu, giá của các nhóm hàng y tế, giáo dục, điện, nước đã được chính phủ sẽ tiếp tục được điều chỉnh tăng làm tăng chi phí sản xuất và tiêu dùng, từ đó làm giảm sức mua trong nước, đồng thời gây áp lực gia tăng lạm phát.

Từ những nhận định chung của nền kinh tế đất nước trên, Hiệp hội xi măng Việt Nam cũng dự báo thị trường tiêu thụ xi măng năm 2019 vẫn tiếp tục cạnh tranh khốc liệt. Năm 2018 giá xi măng Trung Quốc cao vì những biện pháp về môi trường nên một số nhà máy của Trung Quốc buộc phải dừng hoạt động do đó năm 2018 Việt Nam đã xuất khẩu xi măng đạt kỷ lục 31,65 triệu tấn tăng tới 55% so với năm 2017. Tuy nhiên năm 2019 nếu họ thay đổi chính sách hoặc doanh nghiệp của họ có đầu tư tốt thì sản lượng xuất khẩu của ta sẽ giảm mạnh và sẽ gây áp lực trở lại với thị trường nội địa. Do vậy Công ty cần tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng định hướng phát triển với các mục tiêu và chiến lược cụ thể.

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Sản xuất kinh doanh theo tiêu chí: *An toàn – Năng suất – Chất lượng – Hiệu quả*

- Phát huy cao tinh thần *Kỷ luật – đồng tâm*



- Hải hòa lợi ích của các Cổ đông và Người lao động
- Khách hàng là số 1
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí;
- Sản xuất xi măng thân thiện với môi trường, trách nhiệm trong cộng đồng xã hội;
- Tiếp tục đầu tư theo hướng mở rộng, cải tiến công nghệ, tăng năng suất;
- Ứng dụng cuộc cách mạng công nghệ 4.0;
- Sử dụng các loại rác thải làm nguồn nguyên liệu;
- Thực hiện tốt chế độ chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

*** Chiến lược về sản phẩm và thị trường:**

Sản phẩm và thị trường của Công ty đặc biệt quan trọng, nó quyết định sự tồn tại, phát triển của Công ty. Do đó việc nghiên cứu sản phẩm, tìm hiểu nhu cầu khách hàng nhằm giữ vững cùng cố thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới là nhiệm vụ hàng đầu. Để hoạt động này đáp ứng được các yêu cầu Công ty cần thực hiện các biện pháp sau:

- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định đã phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm Công ty trở thành một thương hiệu mạnh.
- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.
- Tích cực trong quản lý thị trường, tổ chức mạng lưới tiếp thị chặt chẽ, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra các chính sách phù hợp.

*** Chiến lược đầu tư công nghệ:**

- Tiếp tục áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng. Có biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng clinker sản xuất, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia trong xi măng, giảm định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu và động lực.



- Phát huy sáng kiến trong tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới.

- Nghiên cứu phương án cải tạo dây chuyền số 2 để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm đảm bảo đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

*** Chiến lược tài chính:**

- Xây dựng các quy chế quản lý tài chính phù hợp theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác khoán quản chi phí trong các công đoạn.

- Thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Chủ động công bố minh bạch thông tin, cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của Công ty.

- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp để cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý, đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.

- Tích cực đưa ra các giải pháp để tăng hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

*** Chiến lược nhân sự:**

- Cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất. Xây dựng các phương án sắp xếp lao động phù hợp theo hướng giảm lao động gián tiếp, lao động phục vụ, phụ trợ bổ sung tăng cường lao động vào dây chuyền sản xuất chính.

- Tuyển dụng lao động trẻ có trình độ chuyên môn tốt để đào tạo kế cận, thay thế. Có chính sách đãi ngộ tốt đối với lao động chất lượng và có tâm huyết xây dựng sự phát triển của Công ty.

- Đào tạo nâng cao tay nghề cho thợ vận hành, công nhân viên chức trong toàn Công ty. Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ tốt trong các phòng ban Công ty.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi. Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu.

- Tăng cường đổi mới trong cách thức Quản trị doanh nghiệp; lấy chất lượng và hiệu quả làm tiêu chí hàng đầu trong chiến lược kinh doanh.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

*** Đối với môi trường:**



- Duy trì thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá tác động môi trường để đưa ra các giải pháp khắc phục những ảnh hưởng xấu.
- Lắp đặt hệ thống lọc bụi tại các vị trí sản xuất cần thiết, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải, xử lý khói, bụi và các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường.
- Thực hiện thu gom, phân loại, xử lý các chất thải rắn phát sinh đúng các quy định trong Quy trình xử lý chất thải.
- Kiểm tra, đánh giá tác động của dự án sản xuất xi măng đối với việc sử dụng đất, đá, môi trường sinh thái một cách chặt chẽ và nghiêm túc.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho toàn cán bộ công nhân viên trong Công ty.
- Tổ chức các phong trào xanh, sạch, đẹp, làm vệ sinh, trồng bổ sung cây xanh quanh nhà máy và các khu đất trống. Thường xuyên có xe phun, rửa nước cho cây xanh và đường giao thông trong nội bộ.





*** Đối với xã hội và cộng đồng:**

Hưởng ứng tích cực thông điệp của Thủ tướng Chính phủ “Không để người dân nào bị bỏ lại phía sau” Công ty đã rất tích cực trong các hoạt động:

- Xây nhà tình nghĩa tặng các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hỗ trợ công nhân có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ thiên tai hỏa hoạn.
- Thường xuyên có những đóng góp với địa phương trong công tác từ thiện, quỹ khuyến học, phong trào văn hóa thể thao và công tác xã hội khác.
- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội, giúp đỡ các gia đình chính sách, người nghèo, đóng góp để xây dựng các công trình phúc lợi cộng đồng.

6. Các rủi ro:

Công ty có thể bị ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh bởi các rủi ro sau:

6.1. Rủi ro về kinh tế:

Những diễn biến của nền kinh tế luôn ảnh hưởng đến sự phát triển của các thành phần kinh tế, chủ thể kinh tế. Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI là



một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

*** Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tốc độ tăng trưởng GDP)**

Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất xi măng, clinker phục vụ cho xây dựng, doanh thu của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế phát triển nhanh, mạnh sẽ kéo theo sự đẩy mạnh mở rộng đầu tư xây dựng và ngược lại.

*** Lạm phát:**

Nhờ những chính sách quyết liệt nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ mà lạm phát của Việt Nam trong những năm gần đây tăng ở mức thấp nhưng các chi phí đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như chi phí điện, than, ... lại có xu hướng gia tăng, phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

*** Lãi suất:**

Một doanh nghiệp khi huy động vốn vay từ bên ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ chịu rủi ro khi lãi suất thị trường tăng hoặc giảm. Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMi sử dụng nguồn vốn vay làm nguồn tài trợ chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, diễn biến lãi suất trong giai đoạn gần đây có tác động tích cực tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** Tỷ giá hối đoái:**

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và biến động của tỷ giá hối đoái dẫn đến những tác động bất lợi cho doanh nghiệp.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần niêm yết, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMi sẽ chịu sự điều chỉnh chủ yếu của Luật Doanh nghiệp, luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan khác đến lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Là quốc gia đang phát triển, đang trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường nên hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung, dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



6.3. Rủi ro đặc thù

** Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào*

Những vật tư, nguyên liệu đầu vào quan trọng trong ngành sản xuất xi măng bao gồm: Đá vôi, đất sét, than, dầu, thạch cao, quặng sắt, cước vận tải,... Về nguyên liệu chính, Công ty có lợi thế sở hữu mỏ nguyên liệu trữ lượng lớn và chất lượng cao, đáp ứng cho việc sản xuất xi măng. Còn đối với các nguyên liệu cần có sự cung cấp từ bên ngoài có đặc tính biến động theo giá thị trường, một mặt, Công ty đã đầu tư phát triển công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng suất, giảm hao phí nguyên nhiên vật liệu, kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tránh lãng phí, thất thoát nguyên nhiên vật liệu; mặt khác, Công ty luôn chú trọng xây dựng được kênh cung cấp nguyên liệu, tạo mối quan hệ bạn hàng lâu năm nhằm đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

** Rủi ro cạnh tranh*

Vị trí công ty nằm trong khu vực có mật độ tập trung các nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước (toàn Tỉnh Thái Nguyên hiện có 05 Nhà máy xi măng) do đó tình trạng cung vượt cầu rất lớn dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt tại thị trường nội địa, đẩy mặt bằng giá xuống thấp. Ngoài ra, trong thời gian tới, công ty còn phải cạnh tranh với các sản phẩm xi măng nước ngoài khi Việt Nam mở cửa theo các hiệp định thương mại quốc tế như Hiệp định Thương mại tự do (FTA), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP),...

6.4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty khi được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội sẽ giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng, tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn vốn cho đầu tư phát triển, và chuẩn mực hóa quản trị Công ty, tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

6.5. Rủi ro về môi trường

Quá trình sản xuất clinker và xi măng tại các nhà máy xi măng trên toàn Thế giới đang phải đối mặt với nhiều thách thức liên quan tới việc thải ra khối lượng khói bụi vào môi trường sống. Sự ô nhiễm do quá trình sản xuất xi măng đang



buộc chúng ta phải có những thay đổi tích cực mà mục tiêu không gì khác là bảo vệ môi trường. Do vậy sẽ rất rủi ro cho hoạt động của Công ty khi chưa đầu tư hoặc không thể đầu tư được các hệ thống thiết bị để xử lý khói bụi.

6.6. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bao lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như giảm sản lượng hoặc gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc toàn bộ cơ sở vật chất đối với Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế của cả nước, năm 2018 cũng là năm thành công vượt trội của ngành xi măng Việt Nam với mức xuất khẩu tăng kỷ lục, giữ vững ổn định thị trường nội địa. Công ty cổ phần xi măng La Hiên cũng phần nào được hưởng từ lợi thế đó.

Trong năm Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Công ty luôn đảm bảo duy trì ổn định và giữ vững các vùng thị trường truyền thống, đã mở thêm một số vùng thị trường mới, lựa chọn các đối tượng khách hàng có tiềm lực kinh tế tốt. Đánh giá các đối tượng cạnh tranh để xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh và thu hồi được công nợ sau bán hàng.

- Sử dụng nguồn vốn linh hoạt, hiệu quả tiết kiệm ~ 25% chi phí tài chính theo kế hoạch đề ra; thu xếp vốn thanh toán trước tiền mua than để được hưởng chiết khấu với số tiền 2.286 triệu đồng; vận dụng các chính sách bán hàng linh hoạt, ưu tiên lựa chọn vùng thị trường mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, trong năm đã hạn chế xảy ra sự cố đột xuất trong sản xuất. Nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia giúp hạ giá thành sản phẩm.

- Duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo đời sống và việc làm cho người lao động, không để sản phẩm tồn kho lớn làm giảm chất lượng sản phẩm và ứ đọng vốn.

Năm 2018 là năm Công ty đạt được đỉnh cao nhất kể từ khi thành lập đến nay. Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đã được tăng trưởng rõ nét. Quyền lợi của cổ đông và người lao động đều được nâng cao.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

* Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đ V T	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	% TH 2018 2017	% TH KH
A	Chỉ tiêu hiện vật						
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	733.744,66	680.000,00	771.715,03	105,17	113,49
1	Xi măng	“	704.731,45	656.000,00	763.349,52	108,32	116,36
2	Clinker thương phẩm	“	29.013,21	24.000,00	8.365,51	28,83	34,86
II	Sản lượng tiêu thụ	“	729.892,66	680.000	806.636,89	110,51	118,62
1	Xi măng	“	700.879,45	656.000	774.897,40	110,56	118,12
2	Clinker thương phẩm	“	29.013,21	24.000	31.739,49	109,40	132,25
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	653.811,25	572.974,68	723.539,89	110,66	126,28
1	Xi măng	Tr.đ	625.105,72	555.370,90	695.338,39	111,24	125,20
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	16.270,78	13.797,00	19.212,98	118,08	139,25
3	Doanh thu, TN khác	Tr.đ	12.434,75	3.806,78	8.988,52	72,29	236,12
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	35.034,63	25.000,00	39.132,13	111,70	156,53
D	Cổ tức (dự kiến)	%	15%	12%	17%	113,33	141,67
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	39.117,50	26.000,00	24.128,22	61,68	92,80
E	Lao động và thu nhập						
1	Lao động định mức	Người	760	700	700	92,11	100,00
2	Tiền lương bình quân	đ/ng/ th	8.040.730	7.250.000	9.363.559	116,43	129,13

* Nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề:

Năm 2018 với sự phục hồi chung của nền kinh tế trong nước và thế giới, nhiều dự án đầu tư xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng, giao thông đã được triển khai; sức mua của toàn nền kinh tế tăng trưởng khá tốt, kéo theo nhu cầu về vật liệu xây dựng nói chung và xi măng nói riêng được cải thiện. Giá mua một số nguyên vật liệu đầu vào giảm nhẹ và ổn định do ảnh hưởng bởi giá xăng dầu giảm trong năm vừa qua đã mang lại một phần lợi ích cho Công ty.



- Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI luôn xác định chủ động nắm bắt tình hình, linh hoạt trong điều hành chỉ đạo, xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế đến mức tối đa những tác động tiêu cực từ nền kinh tế, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

- Công ty luôn vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, tiết kiệm các chi phí trong sản xuất nhằm giữ được giá thành hợp lý đảm bảo tính cạnh tranh. Bên cạnh đó, Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Đặc biệt Công ty luôn có sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, sự đoàn kết nhất trí cao trong chỉ đạo điều hành của cán bộ và tập thể người lao động. Bộ máy quản lý đã chủ động và sát sao hơn trong điều hành sản xuất, công tác thị trường, tiếp cận các hộ tiêu dùng trực tiếp nhằm tăng sản lượng. Công ty đã biết vận dụng linh hoạt trong cơ chế bán hàng, tiết kiệm tốt các loại chi phí trong sản xuất kinh doanh cũng như thực hiện quản lý tốt máy móc thiết bị, công nghệ nên đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2018 và đạt mức lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

2.1.1 Ông Nguyễn Văn Dũng:

Chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 01/10/1966

Quê quán: Xã Nghĩa Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.946 Ngày cấp: 20/7/2017 Nơi cấp: CA Thái Nguyên.

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Phường Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,523%

2.1.2 Ông Lê Bá Chức:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 10/05/1965

Quê quán: Xã Xuân Hoà, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam



Số CMND: 090.590.490 Ngày cấp: 24/01/2000 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 18, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,157%

2.1.3 Ông Nguyễn Văn Tập

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVM I

Ngày/tháng/năm sinh: 20/08/1958

Quê quán: Xã Bằng Giã, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.194.906 Ngày cấp: 10/03/2005 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 12, Phường Quan Triều, Thành phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mô

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,057%

2.1.4 Ông Vũ Ngọc Bách:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVM I

Ngày/tháng/năm sinh: 10/04/1964

Quê quán: Xã Nam Lợi, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.594.380 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

2.1.5 Bà Lê Thị Thu Hiền:

Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVM I

Ngày/tháng/năm sinh: 04/05/1974

Quê quán: Xã Quảng Đông, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.943 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 10, Phường Hoàng Văn Thụ, T.P Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,38%

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Ông Nguyễn Văn Tập thôi giữ chức danh Phó giám đốc Công ty để nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01/09/2018.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 609 người, trong đó:

STT	Diễn giải	Số người	Tỷ lệ %
1	Cán bộ quản lý	47	7,72%
2	Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ	42	6,90%
3	Nhân viên hành chính, kỹ thuật, nghiệp vụ	13	2,13%
4	Nhân viên phục vụ	13	2,13%
5	Công nhân lao động	493	80,95%
6	Công đoàn	1	0,17%
	Tổng cộng:	609	100,00%

Và có các trình độ chuyên môn sau:

STT	Diễn giải	Số người	Tỷ lệ %
1	Trình độ thạc sỹ	4	0,66%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	157	25,78%
3	Trình độ trung cấp	47	7,72%
4	Công nhân kỹ thuật	393	64,53%
5	Lao động phổ thông	8	1,31%
	Tổng cộng:	609	100,00%

- Thực hiện chủ trương tái cơ cấu và sắp xếp lao động, trong năm đã giải quyết nghỉ chế độ và chấm dứt hợp đồng lao động cho 33 người.

- Xác định nguồn nhân lực luôn là nguồn quan trọng nhất, là chìa khóa của sự thành công, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự giỏi, chuyên nghiệp, tận tụy và trung thành với mục tiêu phát triển của Công ty.

- Chính sách đối với người lao động: Các cán bộ, công nhân viên của Công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ,



nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty đã cử tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho cán bộ.

- Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền và lợi ích theo đúng năng lực cá nhân.

- Công ty luôn có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như: Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ luật lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (2 lần/năm). Trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt. Động viên khen thưởng kịp thời và tặng quà cho người lao động nhân các dịp lễ. Tổ chức điều dưỡng luân phiên, phục hồi chức năng cho người lao động, cho người lao động đi thăm quan, nghỉ mát vv... để tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

*** Đầu tư tài chính:**

Công ty không có các khoản đầu tư tài chính nào.

*** Đầu tư dự án:**

Công ty luôn ưu tiên những dự án có hiệu quả kinh tế cao và thực sự cần thiết trước. Trong năm 2018 đã hoàn thiện và quyết toán dự án đầu tư Máy vận thăng với giá trị quyết toán được phê duyệt là 970,75 triệu đồng; công trình nhà hóa nghiệm với giá trị quyết toán được phê duyệt là 2.489,21 triệu đồng phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Đã kết hợp cùng huyện Đồng Hỷ hoàn thành dự án tuyến đường vào mỏ đá vôi Đồng Chuông với giá trị quyết toán được phê duyệt là 3.435,18 triệu đồng và đang tiếp tục triển khai các dự án được ghi trong kế hoạch như đầu tư hệ thống cân cấp than, quan trắc môi trường tự động...

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng (+) giảm (-)
1	Tổng giá trị tài sản	399.115,39	347.578,54	-12,91%
2	Doanh thu thuần	650.532,11	720.636,71	10,78%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	35.021,36	38.657,15	10,38%
4	Lợi nhuận khác	13,27	474,98	3.479,35%
5	Lợi nhuận trước thuế	35.034,63	39.132,13	11,70%
6	Lợi nhuận sau thuế	27.978,74	31.192,50	11,49%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	53,61%	54,50%	1,66%

- Các chỉ tiêu khác:

Trong năm Công ty đã thu xếp vốn để thanh toán trước tiền mua than cho Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và được hưởng khoản chiết khấu thanh toán với số tiền 2.286 triệu đồng. Ngoài lợi nhuận từ hoạt động sản xuất, kinh doanh chính thì đây là khoản thu nhập góp phần đáng kể để tăng thêm lợi nhuận cho Công ty.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,19	0,30	
+	Hệ số thanh toán nhanh: TS ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,11	0,21	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</i>			
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,62	0,53	
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,61	1,12	
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</i>			
+	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán	25,24	39,04	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
	Hàng tồn kho bình quân			
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,63	2,07	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+	<u>Hệ số lợi nhuận sau thuế</u> Doanh thu thuần	0,043	0,043	
+	<u>Hệ số lợi nhuận sau thuế</u> Vốn chủ sở hữu	0,183	0,190	
+	<u>Hệ số lợi nhuận sau thuế</u> Tổng tài sản	0,070	0,090	
+	<u>Hệ số LN từ hoạt động KD</u> Doanh thu thuần	0,054	0,054	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**5.1. Cổ phần:**

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 9.982.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 18.000 cổ phần.

+ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng do quyết định của Tòa án: là 18.000 cổ phiếu. Đây là trường hợp cổ đông Phạm Triều Dương bị thu hồi cổ phiếu theo Quyết định số 23/QĐ-THA ngày 19/4/2010 của Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố Thái Nguyên, số lượng cổ phiếu này được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự TP. Thái Nguyên để đảm bảo thi hành án.

- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Chỉ tiêu	SL cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông lớn</i>	5.734.600	57,346%
+	<i>Cổ đông nhỏ</i>	4.265.400	42,654%
2	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân	10.000.000	100%



STT	Chỉ tiêu	SL cổ phần	Tỷ lệ %
+	Cổ đông tổ chức	5.951.150	59,511%
+	Cổ đông cá nhân	4.048.8500	40,489%
3	Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài	10.000.000	100%
+	Cổ đông trong nước	9.977.400	99,774%
+	Cổ đông nước ngoài	22.600	0,266%
4	Cổ đông nhà nước và cổ đông khác	10.000.000	100%
+	Cổ đông nhà nước	5.138.300	51,383%
+	Cổ đông khác	4.861.700	48,617%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

Công ty không có các loại chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Công ty luôn tuân thủ và tích cực thực hiện theo các chính sách cũng như các chương trình hành động quốc gia về phát triển bền vững. Tinh thần đó được thể hiện xuyên suốt trong hệ thống quản lý của Công ty.

Mục tiêu và kế hoạch hành động đặt ra là: Bảo vệ Môi trường bền vững, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Xanh hóa sản xuất và môi trường sống. Quản lý việc sử dụng nguồn nước và các tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí. Xử lý chất thải tốt, tích cực trồng cây nhằm cải thiện môi trường sống, giảm thiểu lượng rác thải ra ngoài môi trường.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Đá vôi	Tấn	657.773,30	
2	Đá phụ gia	"	184.064,90	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3	Đá thải	“	97.916,80	
4	Đất sét	“	56.172,60	
5	Đất cao silic	“	52.935,20	
6	Quặng sắt	“	10.462,10	
7	Thạch cao	“	6.570,99	
8	Tro bay	“	212,96	
9	Tro đáy	“	16.535,80	
10	Xi bông	“	859,27	
11	Vỏ bao	Vỏ	15.168.764	

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm là:

Công ty đã tận dụng lại các nguyên vật liệu thải ra trong quá trình sản xuất để tái chế sử dụng lại như tro bay, tro đáy từ nhà máy điện, đá bã sàng từ than, xi bông từ nhà máy gạch với tỉ lệ chiếm trên 14,32% sản lượng sản xuất sản phẩm trong năm góp phần giảm thải ra môi trường.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Dầu diezen	Lít	914.498,00	
2	Xăng A92	“	22.188,00	
3	Than cám 5a.6	Tấn	95.786,32	
4	Điện năng	KW	84.468.633	

Xác định năng lượng là một nguồn tài nguyên, khoáng sản của quốc gia. Con người sống không thể thiếu năng lượng mà năng lượng là hữu hạn do vậy chúng ta cần sử dụng sao cho có hiệu quả nhất.

Công ty cổ phần xi măng La Hiên luôn nghiên cứu và áp dụng các giải pháp nhằm sử dụng tiết kiệm tối đa nguồn năng lượng. Trong cơ cấu sản phẩm của Công ty thì yếu tố than, điện chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong giá thành sản



phẩm, do vậy giải pháp tiết kiệm tiêu hao than, điện là vấn đề luôn được quan tâm chỉ đạo trong quá trình thực hiện.

6.3. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Hiện công ty có nguồn cung cấp nước mặt và nước từ giếng khoan với lượng nước sử dụng trong năm là: Nước mặt 67.170 m^3 , nước giếng 15.172 m^3 .

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Công ty xây dựng bể chứa nước tuần hoàn để phục vụ sản xuất nhằm tránh lãng phí trong sử dụng tài nguyên nước với tỷ lệ tái sử dụng lại trên 80%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Trong năm Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2018 Công ty có 609 người lao động, tiền lương bình quân đạt 9.363.559 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Người lao động luôn được quan tâm trong việc chăm sóc sức khỏe, được hưởng chế độ bồi dưỡng độc hại đầy đủ theo quy định. Hàng năm được tập huấn an toàn để phòng người những rủi ro có thể xảy ra trong sản xuất cũng như đời sống hàng ngày. Định kỳ một năm hai lần có tổ chức các đợt khám sức khỏe để theo dõi tình hình sức khỏe của người lao động để người lao động yên tâm công tác.

Thực hiện đúng số giờ làm việc của người lao động theo quy định của pháp luật. Luôn để người lao động thấy Công ty trở thành nơi làm việc tốt nhất và lý tưởng nhất cho người lao động. Thu hút và giữ chân được nhân tài, duy trì môi trường làm việc lý tưởng, chính sách đãi ngộ và phúc lợi tốt nhất có thể.

c) Hoạt động đào tạo người lao động



Củng cố nhân sự bền vững, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo để nâng cao kiến thức cho nhân viên; đào tạo để nâng cao tay nghề cho người lao động; cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo cán bộ quản lý nhằm nâng cao trình độ năng lực trong quản trị kinh doanh.

- Công tác huấn luyện phòng cháy, chữa cháy:





- Công tác huấn luyện an toàn:



6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Xây dựng doanh nghiệp phát triển gắn với trách nhiệm xã hội là vấn đề được ưu tiên, là nhu cầu tất yếu của Công ty. Công ty luôn đề cao “Thương hiệu gắn bó cộng đồng”. Chung tay cùng xây dựng một cộng đồng bền vững. Tích cực tổ chức/tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng. Đồng hành, chia sẻ và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên... đang ảnh hưởng tới sự ổn định môi trường sống của loài người, khiến các quốc gia phải nghĩ tới việc phát triển bền vững. Trước xu hướng phát triển bền vững trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường, Việt Nam đang triển khai Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh với nhiều kết quả đáng ghi nhận, đóng góp tích cực vào nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Việt Nam đã xác định tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược Quốc gia về biến



đổi khí hậu. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược Tăng trưởng xanh là “Tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế các-bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững; giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dân trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.

Phải phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Để thực hiện tăng trưởng xanh, việc tạo ra được sự hợp tác giữa các cơ quan quản lý, các tổ chức chính trị, xã hội, cộng đồng doanh nghiệp cũng như công chúng đầu tư là rất quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến động của thị trường vốn xanh.

Tại Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVM, chúng tôi luôn hiểu rằng sự phát triển và thành công của một doanh nghiệp không chỉ là những con số về tài chính mà còn là sự gắn kết, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của đất nước, xã hội, cộng đồng và các đối tác liên quan. Với nhận định đó, trong lộ trình phát triển bền vững của mình, Xi măng La Hiên luôn nỗ lực hết mình trong việc tìm kiếm và triển khai các giải pháp trong định hướng tăng trưởng xanh (thị trường vốn xanh) và phát triển bền vững của đất nước.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

Năm 2018 kinh tế thế giới đã có những tín hiệu tích cực, kinh tế trong nước có nhiều chuyển biến. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; xuất khẩu tăng mạnh và xuất siêu, khu vực công nghiệp phục hồi rõ nét, trở thành động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế. Mặc dù nền kinh tế vẫn đang có những vấn đề cần thay đổi nhưng năm 2018, tăng trưởng kinh tế đã có những động thái tích cực. Cơ cấu kinh tế theo ngành bắt đầu dịch chuyển, bắt đầu thoát khỏi các ngành khai thác tài nguyên và chuyển sang công nghiệp chế tạo, dịch vụ. Xu thế khởi nghiệp sáng tạo cũng đang bùng lên, đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao tăng mạnh. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 đạt 7,08% tăng cao nhất trong 10 năm gần



đây. Lạm phát giảm, lãi suất ổn định, nhiều dự án đầu tư xây dựng đặc biệt là các dự án bất động sản, cơ sở hạ tầng, giao thông đã được triển khai xây dựng.

Đối với Công ty cổ phần xi măng La Hiên năm 2018 cũng vẫn còn gặp nhiều khó khăn tại thị trường trong nước do nằm trong vùng có mật độ các nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước, tình trạng cạnh tranh tại các khu vực là thị trường truyền thống rất quyết liệt.

Nhận định được những khó khăn đó trong năm 2018 Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, ngay từ những tháng đầu năm Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt 806.636,89 tấn/KH 680.000 tấn = 118,62% kế hoạch giao; doanh thu tiêu thụ sản phẩm và thu nhập khác thực hiện đạt 723.539,89trđ/KH 572.974,68trđ = 126,28% kế hoạch giao; Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 39.132,13/KH 25.000 tr đồng = 156,53% kế hoạch giao; sản xuất luôn đảm bảo an toàn.

Các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều hoàn thành vượt mức so với kế hoạch, đồng thời Hội đồng quản trị và ban điều hành tiếp tục vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, phát huy trí tuệ tập thể tiết kiệm tốt các yếu tố chi phí trong sản xuất, áp dụng tốt các sáng kiến kỹ thuật, công nghệ và lựa chọn bán hàng tại các vùng thị trường mang lại lợi ích cao do vậy đã mang lại lợi nhuận tốt hơn so với kế hoạch đề ra. Có thể nói Công ty cổ phần xi măng La Hiên đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018, sản xuất được duy trì ổn định và đang trên đà tăng trưởng; việc làm và đời sống của người lao động được quan tâm; lợi ích của các cổ đông được đảm bảo.

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.

Đứng trước những thách thức và những biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã hết sức cố gắng để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, giảm thiểu những thiệt hại cho Công ty.

Trong công tác điều hành Công ty luôn củng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty đã duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và việc triển khai những chủ trương theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Năm 2018 ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết để vượt qua khó khăn trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân, cán bộ trong Công ty đã tạo



nên không khí thi đua, thúc đẩy hoàn thành tốt công việc được. và kết quả được thể hiện rõ nét ở các mặt chủ yếu sau:

*** Công tác tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường:**

Công tác tiêu thụ sản phẩm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty, do vậy Công ty rất quan tâm và đầu tư các nguồn lực để đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ vững thị trường hiện có, tìm kiếm và phát triển thêm thị trường mới. Thành công của công tác thị trường năm 2018 là Công ty đã tăng được cơ cấu sản phẩm xi măng bao có giá bán cao, giảm cơ cấu sản phẩm xi măng bột, clinker giá bán thấp tăng hiệu quả kinh doanh năm 2018.

Lãnh đạo Công ty rất sát sao trong công tác chỉ đạo, bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh, thường xuyên nắm bắt thông tin về nhu cầu của khách hàng đưa ra các giải pháp thích hợp để tăng sản lượng xi măng bán vào các thị trường có giá bán cao.

Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, hàng tháng Công ty thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ với khách hàng, đơn đốc việc thu hồi công nợ.

*** Công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện và điều hành sản xuất:**

Công tác kiểm tra sản phẩm trong dây chuyền được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của tiêu chuẩn cơ sở và đảm bảo số liệu có độ chính xác tin cậy cung cấp cho các bộ phận liên quan góp phần phát hiện, xử lý và có biện pháp khắc phục - phòng ngừa sản phẩm không phù hợp. Sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao được chất lượng clinker sản xuất, thay thế phụ gia có giá thấp trong xi măng để hạ giá thành sản phẩm và đã đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Công tác điều độ sản xuất được thực hiện nhịp nhàng, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong sản xuất duy trì hai dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục ổn định. Khâu điều độ quy hoạch kho bãi nguyên vật liệu tận dụng điều kiện kho bãi linh hoạt nên đã bảo quản tốt nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển. Cân đối sản lượng tồn kho, kiểm soát chặt chẽ thiết bị phải dừng hoạt động vào giờ cao điểm và chủ yếu hoạt động vào giờ thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, giảm giá thành sản phẩm.

Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức thực hiện sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn. Tổ chức bảo dưỡng định kỳ thiết bị dây chuyền sản xuất theo kế hoạch để duy trì tình trạng kỹ thuật phòng ngừa sự cố để tăng thời gian huy động của thiết bị.



*** Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, điều hành tiết kiệm chi phí:**

Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa trong sản xuất là vấn đề luôn được quan tâm. Năm 2018 các tập thể và các cá nhân người lao động đã có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật thiết thực có giá trị và làm lợi cho Công ty nhiều tỷ đồng và cải thiện môi trường làm việc trong Công ty.

Công ty luôn bám sát các chỉ tiêu, giải pháp điều hành thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh của Tổng Công ty để chỉ đạo điều hành, thực hiện chương trình tiết kiệm chống lãng phí năm 2018 với các nhóm giải pháp tích cực. Thành lập ban chỉ đạo, ban hành chương trình hành động tiết kiệm chống lãng phí năm 2018 kèm theo các nhóm giải pháp điều hành, và nghiệm thu kết quả thực hiện với các chỉ tiêu cụ thể.

*** Công tác kế hoạch, khoán quân:**

- Công tác kế hoạch đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để triển khai xây dựng và đề xuất Lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời.

- Công tác vật tư: Tích cực tìm nguồn hàng vật tư nguyên vật liệu sản xuất trong nước đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh để phục vụ sản xuất. Thực hiện tốt công tác đấu thầu, chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh. Công tác quản lý kho tàng, xuất nhập vật tư an toàn đúng pháp luật. Thực hiện quyết toán vật tư theo quy định, theo dõi việc thực hiện định mức tiêu hao vật tư và tham gia xây dựng định mức tiêu hao vật tư ở các phòng ban phân xưởng trong Công ty. Trong năm tổ chức sắp xếp quản lý kho vật tư hợp lý, an toàn khoa học. Số dư hàng tồn kho vật liệu cuối kỳ đạt hệ số tồn kho <4% theo quy định của Tập đoàn TKV và Tổng công ty.

- Công tác đầu tư xây dựng: Thực hiện các dự án theo kế hoạch giao trên cơ sở nghiên cứu thực hiện trước các dự án đầu tư phát triển phục vụ trực tiếp cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Trình tự thủ tục đầu tư thực hiện các dự án, tổ chức đấu thầu thực hiện đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

*** Công tác quản lý kế toán, tài chính:**

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận theo đúng chế độ quy định. Đồng thời cũng làm tốt công tác tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.



Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đơn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch Tổng công ty giao.

Trong năm đã xây dựng lại Quy chế huy động vốn cho phù hợp, đảm bảo huy động được nguồn vốn dài hạn trong CBCNV để bù đắp thiếu nguồn nhằm cải thiện hệ số thanh toán nợ đến hạn, nâng cao hệ số an toàn trong thanh toán nợ. Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty luôn được bảo toàn và tăng trưởng tốt, các hệ số tài chính được cải thiện rõ rệt.

*** Công tác Tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương:**

Phòng Tổ chức lao động đã tích cực tham mưu cho Giám đốc phương án Tái cơ cấu lao động, trong năm 2018 đã sắp xếp số phòng ban, phân xưởng về đúng mô hình mẫu, giảm được các đầu mối quản lý. Giảm lao động gián tiếp, lao động phục vụ, phụ trợ rà soát xây dựng định mức, định biên tiền tiến cho các khâu sản xuất trong dây chuyền sản xuất chính; Tập trung lao động cho mục tiêu chính, cốt lõi của Công ty; Tinh giản lao động không làm giảm chất lượng lao động; Tái cơ cấu lực lượng lao động đi đôi với tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác tiền lương đã tổ chức quản lý và phân phối tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn thỏa đáng đúng nguyên tắc, kiểm tra kiểm soát chặt chẽ không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ BHXH, TN, YT, KPCĐ cho người LĐ trong Công ty đầy đủ đúng pháp luật. Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của Công ty.

*** Các phân xưởng sản xuất:**

Quản lý chặt chẽ quy trình vận hành, chủ động trong công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị và dự báo vật tư dự phòng thay thế. Tình trạng kỹ thuật thiết bị luôn được theo dõi chặt chẽ, các dấu hiệu sự cố được chủ động phát hiện và xử lý kịp thời duy trì thiết bị hoạt động ổn định. Công nhân vận hành có ý thức trách nhiệm cao, tự giác trong công tác chăm sóc bảo dưỡng thiết bị, trình độ vận hành thiết bị ngày càng được nâng cao.

*** Khối phục vụ:**



Đã giúp việc cho Lãnh đạo Công ty chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho CNVC -LĐ. Quan tâm cải tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, chú trọng xây dựng khu tập thể xóm thợ cho CNVC trở thành khu tập thể văn hóa.

Lực lượng bảo vệ phối hợp tốt với địa phương trong địa bàn làm công tác an ninh trật tự khu vực, giữ gìn trật tự an ninh, đẩy lùi tệ nạn xã hội, thực hiện tốt công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu.

*** Công tác an toàn bảo hộ lao động:**

Công tác ATBHLĐ năm 2018 luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Hội đồng BHLĐ của Công ty đã tham mưu tư vấn tích cực cho Công ty về công tác AT-VSLĐ. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra TNLĐ, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa TNLĐ, bệnh nghề nghiệp. Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về BHLĐ: Công việc này được thực hiện thường xuyên, kết hợp áp dụng qui chế thưởng phạt trong công tác AT-BHLĐ để tăng thêm hiệu quả.

2. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VNĐ) và đã phản ánh đúng, trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

- Trích khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao thực hiện theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Thanh toán cho người bán đúng hợp đồng, các khoản gốc, lãi vay đến hạn trong năm đều đã được Công ty thanh toán đầy đủ, đúng và trước kỳ hạn.

- Trích lập các quỹ theo Luật định: Việc trích lập các quỹ và việc sử dụng các quỹ trong năm do HĐQT Công ty quyết định trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2.1. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bồng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

Tình hình tài sản:

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	% tăng giảm
I	Tài sản ngắn hạn	42.490.135.088	46.396.903.625	9,19%
II	Tài sản dài hạn	356.625.259.516	301.181.636.256	-15,55%
	Tổng cộng	399.115.394.604	347.578.539.881	-12,91%

Trong năm Công ty đã phát huy tối đa việc sử dụng tài sản và tiền vốn nhằm đạt được những lợi ích cao nhất. Tính đến thời điểm 31/12/2018 giá trị tổng tài sản của Công ty giảm 12,91% so với thời điểm 31/12/2017 chủ yếu do trích khấu hao TSCĐ để thu hồi vốn.

*** Tình hình công nợ phải thu:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	% tăng giảm
1	Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	21.007.960.727	29.654.547.271	41,16%
2	Trả trước cho người bán	1.035.927.348	711.304.071	-31,34%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	990.495.954	1.093.126.548	10,36%
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.334.291.433)	(1.265.953.027)	-5,12%
	Tổng cộng	21.700.092.596	30.193.024.863	39,14%

Đối với các khoản công nợ phải thu đều được đối chiếu xác nhận với khách hàng đầy đủ và đây cũng là khoản nợ luân chuyển trong thời hạn cho phép. Trong năm 2018 Công ty rất tích cực trong công tác thu hồi công nợ, nợ phải thu tăng 41,16% so với cùng kỳ năm trước là do Công ty cấp xi măng cho các xã thuộc các huyện Võ Nhai, Đại Từ, Phú Lương thực hiện chương trình nông thôn mới bằng nguồn ngân sách của tỉnh Thái Nguyên. Trả trước cho người bán do Công ty thực hiện chính sách thanh toán trước tiền mua than để hưởng chiết khấu thanh toán, một số công nợ xấu cũng đã được thu hồi. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi giảm do thu hồi được công nợ của một số khách hàng đang trích lập dự phòng.

*** Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	25,24	39,04
2	Vòng quay khoản phải thu	"	15,43	14,43
3	Vòng quay vốn lưu động	"	9,57	10,54
4	Vòng quay tài sản dài hạn	"	1,82	2,39
5	Vòng quay tổng tài sản	"	1,63	2,07
6	Tỷ suất Lợi nhuận/Tổng TS (ROA)	%	7,01	8,97
7	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH (ROE)	%	18,31	19,05

Nhìn chung tài sản của Công ty được sử dụng tốt, các chỉ tiêu sử dụng tài sản đều được nâng cao hơn so với năm trước cho thấy Công ty đã rất tích cực trong việc quản lý và sử dụng tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2. Tình hình nợ phải trả

*** Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	% tăng giảm
I	Nợ ngắn hạn	220.345.387.856	153.583.822.998	-30,30%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	36.108.090.988	35.659.631.184	-1,24%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	564.044.055	531.542.166	5,76%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.710.258.656	17.830.329.659	165,72%
4	Phải trả người lao động	25.415.378.305	24.609.002.699	-3,17%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.125.611.885	4.112.161.380	-0,33%
6	Phải trả ngắn hạn khác	1.391.546.107	1.987.609.718	42,83%
+	Tiền cổ tức phải trả	230.583.750	273.412.313	18,57%
+	Các khoản phải trả khác	1.160.962.357	1.714.197.405	47,65%
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	141.327.440.950	64.237.934.288	-54,55%



STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	% tăng giảm
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.703.016.910	4.615.611.904	-1,86%
II	Nợ dài hạn	25.999.401.095	30.223.102.031	16,25%
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25.618.049.191	29.798.494.667	16,32%
2	Dự phòng phải trả dài hạn	381.351.904	424.607.364	11,34%
	Tổng cộng	246.344.788.951	183.806.925.029	-25,39%

Đối với thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước do có chính sách được chậm trả khi ngân sách còn có nợ tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế, do vậy số tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng nằm trong số tiền mà ngân sách còn nợ Công ty.

Phải trả ngắn hạn khác tăng do một số nhà thầu nộp tiền bảo đảm dự thầu và thực hiện cho hợp đồng mua bán năm 2019.

Vay tài chính ngắn hạn giảm do nợ dài hạn đến hạn trả của vay đầu tư đã giảm và vốn thiếu nguồn cũng đã được cải thiện do vậy vốn vay ngắn hạn cũng đã được giảm xuống.

Vay tài chính dài hạn tăng do Công ty vay bổ sung để bù đắp thiếu nguồn và đầu tư dự án.

** Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.*

Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được kiểm soát và thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

Công ty chịu sự rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty có rủi ro tỷ giá hối từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Lãi suất vay vốn trong năm từ các tổ chức tín dụng được duy trì ở mức tương đối ổn định.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2018 Công ty đã sắp xếp lại cơ cấu tổ chức một số đơn vị như sau:

- Đổi tên Phân xưởng Lò quay 1 thành Phân xưởng Clinker-1; Đổi tên Phân xưởng Lò 2 thành Phân xưởng Clinker 2.



- Giải thể Phân xưởng vận tải chuyên giao toàn bộ nhiệm vụ sang Phân xưởng Cơ điện.

- Giải thể Phân xưởng cấp liệu chuyên giao nhiệm vụ nghiền xi măng 55t/h, nghiền xi măng 110t/h, Trạm điện, bơm nước, nén khí sang Phân xưởng Clinker 1; Chuyển giao các nhiệm vụ còn lại sang phân xưởng Clinker 2. Như vậy trong năm 2018 đã giảm được 02 đầu mối quản lý.

Tiết giảm lao động tuyệt đối 33 người do định biên lại lao động kể từ đầu năm đến thời điểm 31/12/2018 tổng số lao động còn 609 người.

Áp dụng Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thu hút lao động thuộc khu vực sản xuất chính và có mức độ ảnh hưởng lớn trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động có tâm huyết làm việc lâu dài tại Công ty, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, chấp hành tốt các nội quy, quy chế và sự phân công của đơn vị, đạt và vượt năng suất lao động giao khoán, bảo đảm tiến độ chất lượng sản phẩm và an toàn lao động.

Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nhằm quản lý tốt hơn và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời phù hợp, giữ thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện tái cơ cấu sản xuất kinh doanh, biến những khó khăn thách thức thành cơ hội và động cơ cho đầu tư phát triển và tái cơ cấu lao động.

- Tạo điều kiện cho các Cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Kien toàn bộ máy theo hướng tinh, gọn và



chất lượng, tăng cường bộ phận khai thác thị trường, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của kiểm toán, Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty; Báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ được lập phù hợp với các tiêu chuẩn kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành. Do vậy Ban giám đốc không có giải trình đối với ý kiến của kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Hiện nay biến đổi khí hậu đã trở thành một vấn đề toàn cầu và ngày càng tác động nghiêm trọng đến điều kiện môi trường sống trên trái đất. Trong đó Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Là một tổ chức hoạt động trong nền kinh tế, xi măng La Hiên luôn cam kết thực hiện các giải pháp phù hợp với sự đầu tư về tài chính, nhân lực và hệ thống quản lý đảm bảo xử lý tốt các nguồn thải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng năng lượng và tiếp tục áp dụng sử dụng các nguồn nguyên liệu để góp phần vào mục tiêu giảm lượng phát thải khí nhà kính.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Hàng năm Công ty đều thực hiện quan trắc để đánh giá mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh đến môi trường. Các biện pháp xử lý nước thải, giảm thiểu ô nhiễm khí được thực hiện thường xuyên, đạt hiệu quả, đảm bảo môi trường. Chỉ tiêu môi trường năm 2018 sau khi quan trắc đã được cơ quan chức năng đánh giá và kết luận như sau:

- Về khí thải công nghiệp: Tất cả các chỉ tiêu phân tích của 02 mẫu ống khói đều nằm trong giới hạn cho phép khi so sánh với quy chuẩn QCVN 23:2009/BTNMT đảm bảo chất lượng cho phép xả ra môi trường.

- Về môi trường không khí khu vực sản xuất: Tất cả các chỉ tiêu phân tích khác đều nằm trong giới hạn cho phép khi so sánh với quyết định 3733/2002/BYT. Điều đó cho thấy môi trường làm việc tại công ty tương đối tốt.

- Về môi trường không khí khu vực xung quanh: Các chỉ tiêu quan trắc các mẫu không khí xung quanh đại diện đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Như vậy sức chịu tải của môi trường còn khá tốt, chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm, hoạt động của Công ty ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường xung quanh.



- Về nước thải:

+ Nước thải sản xuất: Kết quả phân tích chất lượng nước thải sản xuất của Công ty định kỳ năm 2018 cho thấy các chỉ tiêu phân tích mẫu nước thải sản xuất đều trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn cho phép ghi tại QCVN 40: 2011/BTNMT. Các phương pháp xử lý nước thải của Công ty hoạt động có hiệu quả.

+ Nước thải sinh hoạt: Các chỉ tiêu phân tích nước thải sinh hoạt của Công ty sau xử lý đều trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT. Điều đó cho thấy hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty vận hành tương đối tốt; khi nước thải sinh hoạt xả ra môi trường gây ảnh hưởng không đáng kể đến chất lượng nước của nguồn tiếp nhận.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Xi măng La Hiên luôn quan tâm đến môi trường làm việc cho người lao động, hạn chế tối thiểu những ảnh hưởng xấu của môi trường đến sức khỏe người lao động.

Với ý thức đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường Công ty nhận thức được trách nhiệm An toàn - Sức khỏe - Môi trường là một việc quan trọng như bất kỳ một hoạt động nào khác trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tất cả các nhân viên của khối sản xuất đã được triển khai thực hiện các nguyên tắc và cam kết tuân thủ theo các quy định của Công ty nhằm góp phần vào công tác an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường cũng như đóng góp vào việc bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động cộng đồng từ lâu đã trở thành truyền thống và là một phần không thể tách rời trong hoạt động tổng thể của xi măng La Hiên. Công ty luôn tham gia cực vào các hoạt động vì lợi ích cộng đồng trong sự đồng hành với các hoạt động của Nhà nước, các đoàn thể, tổ chức xã hội.

Luôn có trách nhiệm bảo vệ và giảm thiểu những tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường sống xung quanh khu vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2018 nhận thức rõ được những thuận lợi, khó khăn và thách thức trong thực hiện những mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội



đồng cổ đông giao cho như: Môi trường kinh doanh của công ty vẫn luôn chịu sự cạnh tranh khốc liệt, thị trường diễn biến phức tạp, sản phẩm xi măng trên thị trường dư thừa nhiều do cung nhiều hơn cầu, thị trường bất động sản đã phục hồi nhưng chậm. Thiết bị sản xuất xi măng sau nhiều năm hoạt động đã xuống cấp hư hỏng nhiều. Số lượng lao động lớn, chỉ số giá tiêu dùng tăng cao đã làm cho đời sống công nhân viên chức lao động gặp nhiều khó khăn đó là những áp lực rất lớn trong năm 2018 đối với tập thể lãnh đạo và toàn thể công nhân viên chức của công ty.

Trong bối cảnh kinh tế luôn có những khó khăn và đầy thử thách, Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết sách có tính chất định hướng chiến lược cho Công ty nhằm vượt qua khó khăn. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần đoàn kết, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích của cổ đông, vì sự phát triển và ổn định của Công ty.

Hội đồng quản trị giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các nghị quyết. Trong năm 2018 Ban điều hành Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, năm 2018 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất, tiêu thụ mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, đồng thời Ban điều hành đã tìm nhiều giải pháp khắc phục khó khăn khách quan, sát sao trong điều hành sản xuất, tìm nhiều giải pháp áp dụng để tiết kiệm chi phí đã cho được kết quả khả quan tăng được năng suất, chất lượng sản phẩm tạo được mặt bằng giá bán sản phẩm mới có thể bù đắp chi phí, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra và dự kiến chi trả cổ tức cho cổ đông cao hơn so với kế hoạch trình tại đại hội.

Việc đánh giá tác động môi trường được Công ty thực hiện thường xuyên nhằm kiểm soát những ảnh hưởng xấu để đưa ra những giải pháp hạn chế tối thiểu đến môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.



- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Có thể nói đây là một năm ban điều hành Công ty hoạt động rất tích cực; với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao lên năm qua Công ty tiếp tục gặt hái được nhiều thành công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2019 kinh tế nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng và phải cạnh tranh gay gắt hơn. Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước tạo ra nhiều cơ hội, thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực phấn đấu cao nhất để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ.

Năm 2019 dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt và có những diễn biến thay đổi khó lường, khó khăn và thách thức đối với Công ty còn lớn. Tình hình đó sẽ tác động trực tiếp ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Công ty.

Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn trên HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong năm 2019 như sau:

*** Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2019**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	720.000	
1	Xi măng	"	695.000	
2	Clinker thương phẩm	"	25.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	"	720.000	
1	Xi măng	"	695.000	
2	Clinker thương phẩm	"	25.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	632.995,77	
1	Xi măng	Tr.đ	617.020,70	
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	15.975,07	
3	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ		
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	35.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMi**

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiến - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	Ghi chú
D	Cổ tức	%	12,00	
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	32.184,00	
E	Lao động và tiền lương			
1	Lao động định mức	Người	685	
2	Tiền lương bình quân	đ/ng/thg	8.686.131	

*** Công tác đầu tư xây dựng:**

Mục tiêu của công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2019: Tổng giá trị đầu tư ước tính: **36.316** triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:

S TT	Hạng mục	ĐV T	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Công trình chuyển tiếp:			26.184
1	Trạm biến áp 400 KVA và đường điện	HT	1	2.364
2	Hệ thống cân cấp than cho DC xi măng lò quay II	HT	1	11.181
3	Đầu tư HT quan trắc môi trường tự động	HT	1	12.639
II	Công trình khởi công mới:			6.000
1	Dự án Hệ thống máy đóng bao tự động	Cái	1	6.000
III	Chuẩn bị đầu tư			1.332
1	Lập dự án cải tạo dây chuyền lò quay số II			1.132
2	Hệ thống cung cấp nước công nghiệp tuần hoàn (02 bể nước công nghiệp, mỗi bể 1.500m ³)	Bể	02	200
III	Dự phòng			2.800
1	Hệ thống cung cấp nước công nghiệp tuần hoàn (02 bể nước công nghiệp, mỗi bể 1.500m ³)	Bể	02	2.800



S TT	Hạng mục	ĐV T	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
	Tổng cộng			36.316

*** Định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Có kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ thiết bị, khắc phục tối đa những sự cố thiết bị dây chuyền, phân đầu đạt công suất thiết kế lò nung Clinker. Tăng cường hoạt động của Ban giám sát thiết bị nhằm ngăn ngừa các sự cố thiết bị trong năm 2019.

- Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức Clinker và chất lượng xi măng. Nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu chính như đá vôi, sét, đất cao si líc... Tiếp tục nghiên cứu sử dụng nguồn nguyên vật liệu mới, sản phẩm phế thải của các nhà sản xuất công nghiệp khác có sẵn tại địa phương có giá thấp đưa vào sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.

- Tổ chức khảo sát lập đề cương, báo cáo đầu tư cải tạo hệ thống lò dây chuyền II chuẩn bị cho việc nâng công suất dây chuyền II để giảm chi phí sản xuất. Tiếp tục nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến áp dụng thay thế các thiết bị lạc hậu nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.

- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, tăng cường vệ sinh công nghiệp thu gom xử lý chất thải công nghiệp. Thường xuyên kiểm tra giám sát các thông số môi trường lao động đưa ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm cải thiện điều kiện làm việc kịp thời và hiệu quả cho NLĐ.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD, Tiến hành công tác khoán chi phí theo các công đoạn sản xuất, phân đầu tiết kiệm chi phí theo chủ trương của Tập đoàn và Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV.

- Tăng cường công tác thị trường, giữ vững và tăng sản lượng tiêu thụ tại các thị trường truyền, mở thêm các thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thông qua các biện pháp: Trọng tâm giảm tuổi nợ, xử lý nợ khó đòi, tăng vòng quay hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Rà soát đánh giá kỹ công tác lao động - tiền lương, có lộ trình tăng NSLĐ, tiết giảm lao động (đặc biệt là lao động gián tiếp). Thực hiện chế độ tiền lương của Công ty gắn với NSLĐ và hiệu quả.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, Tăng cường đào



tạo tay nghề đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm và các kỹ sư công nghệ.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh gọn; chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định trong quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; cũng như phù hợp với các quy chế, qui định của Công ty mẹ và các qui định hiện hành của nhà nước; tăng cường trách nhiệm của bộ máy điều hành.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban điều hành Công ty.

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm báo cáo tài chính gồm:

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần (%)	Ghi chú
1	Ô. Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT- TP Quản lý vốn. Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc	0,00%	
2	Ô. Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty	0,523%	
3	B. Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng Công ty	0,380%	
4	Ô. Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên HĐQT	0,066%	Thành viên không điều hành (đến ngày 05/04/2018)
5	Ô. Trần Việt Cường	Ủy viên HĐQT	0,100%	Thành viên độc lập



S TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần (%)	Ghi chú
				(đến ngày 05/04/2018)
6	Ô. Hà Văn Chuyển	Ủy viên HĐQT	0,00%	Thành viên độc lập (từ ngày 05/04/2018)
7	Ô. Trịnh Quốc Bình	Ủy viên HĐQT	0,00%	Thành viên độc lập (từ ngày 05/04/2018)

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và pháp luật của Nhà nước về nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Những nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ, chủ trương liên doanh, hợp tác nước ngoài, đầu tư các dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế quản lý cần có sự thống nhất của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, trong trường hợp các vấn đề trên đã thảo luận đến 03 lần không đạt được thống nhất (100%) thì biểu quyết theo đa số. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị, phòng ban, phân xưởng và các cá nhân trong toàn Công ty. Trường hợp khi triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị mà phát hiện có vấn đề vướng mắc thì Giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết.

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Trong năm đã triển khai các cuộc họp như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Tel: 02083 829 156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

S T T	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
01	01/BB-HĐQT	22/1/2018	1. Thông qua Kết quả SXKD quý IV/2017. 2. Giao kế hoạch SXKD quý I /2018 3. Ban hành Quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên. 4. Thông qua hợp đồng phối hợp về việc phối hợp, cung cấp dịch vụ quản lý, công tác thị trường tiêu thụ xi măng năm 2018 của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP. 5. Thông qua hợp đồng phối hợp về việc phối hợp, cung cấp dịch vụ quản lý, công tác điều hành sản xuất kinh doanh năm 2018 của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
02	02/BB-HĐQT	26/2/2018	1. Phê duyệt nhà thầu thực hiện gói thầu số 01: Tư vấn lập báo cáo KTKT xây dựng công trình của dự án: Đầu tư xây dựng công trình hệ thống quan trắc khí thải tự động. 2. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án: Vận thăng phục vụ sản xuất dây chuyền 2 - Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 3. Tổ chức đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2018-2023) Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI;	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
03	05/BB-HĐQT	23/4/2018	1. Bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
04	06/BB-HĐQT	04/5/2018	1. Thông qua kết quả hoạt động SXKD quý I năm 2018 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 2. Giao kế hoạch SXKD quý II năm 2018 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 3. Phê duyệt chi khen thưởng ban điều hành quản lý nhiệm kỳ II (2013-2018) Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 4. Phê duyệt bổ nhiệm người quản trị Công ty kiểm thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên nhiệm kỳ III (2018-2023). 5. Phê duyệt phân công nhiệm vụ ủy viên HĐQT,	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

S T T	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			thư ký Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên nhiệm kỳ III (2018-2023).	
05	07/BB-HĐQT	30/6/2018	1. Phê duyệt điều chỉnh nâng lương theo mức tối thiểu vùng theo quy định. Giao cho giám đốc Công ty ký quyết định điều chỉnh mức lương theo quy định cho người lao động trong Công ty. 2. Phê duyệt điều chỉnh mức lương NQL của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 3. Phê duyệt Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 4. Phê duyệt trích lập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho thời điểm 30/6/2018 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 5. Phê duyệt trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi đến 30/6/2018 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết nội dung 1-3; 80% nhất trí thông qua nội dung 4,5;
06	08/BB-HĐQT	19/7/2018	1. Phê duyệt việc sắp xếp lại tổ chức các phân xưởng sản xuất trong Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 2. Phê duyệt dự án đầu tư hệ thống quan trắc khí thải tự động Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 3. Phê duyệt bổ nhiệm lại các cán bộ quản lý của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI nhiệm kỳ 2018-2023. 4. Giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2018 cho Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
07	09/BB-HĐQT	30/10/2018	1. Giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2018 cho Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 2. Phê duyệt quy chế Thi đua - Khen thưởng của Công ty Cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 3. Phê duyệt quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 4. Phê duyệt quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý của Công ty Cổ phần xi măng La Hiên	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMi**

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiền - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

S T T	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			VVMI. 5. Phê duyệt việc chấp thuận vay vốn tại quỹ bảo vệ môi trường Thái Nguyên. 6. Phê duyệt điều chỉnh đơn giá tiền lương năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI. 7. Phê duyệt quy chế khoán quản trị SXKD của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI. 8. Phê duyệt quy chế quản lý vật tư của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI.	
08	10/BB-HĐQT	31/12/2018	1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tuyến đường mở đá vôi Đồng Chuông ra quốc lộ 1B - Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI. 2. Phê duyệt dự án hệ thống cấp than dây chuyên lò quay 2 - Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI. 3. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhà hóa nghiệm - Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI. 4. Phê duyệt hợp đồng mua bán hàng hóa với người có liên quan; 5. Phê duyệt tạm giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 cho Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

Ngoài các cuộc họp trên, HĐQT còn thường xuyên phối hợp với Ban giám đốc Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết để hoạt động của Công ty không bị đình trệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước những khó khăn bất ổn trong kinh tế của cả nước đặc biệt là những khó khăn trong ngành. Nhờ đó, Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh và nằm trong nhóm đơn vị sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng đồng vốn hợp lý và có hiệu quả, có uy tín trên thị trường.

Chỉ đạo tốt việc ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, có hiệu quả cùng với việc xây dựng định mức tiền lương hợp lý. So với thời điểm 31/12/2017 Công ty đã giảm được 5,142% số lao động.



Giám sát, chỉ đạo Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh và giải quyết những khó khăn, tồn tại của Công ty.

Chỉ đạo kịp thời trong việc đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, chiến lược kinh doanh, áp dụng công nghệ mới trong sản xuất xi măng nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định trong điều lệ Công ty.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Công ty có 02 thành viên HĐQT độc lập, 01 thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành. Các thành viên này luôn thực hiện tốt vai trò trong việc giám sát, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những người quản lý công ty, bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và sự phân công của HĐQT.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban trong HĐQT do vậy không có hoạt động của tiểu ban.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Đến thời điểm 31/12/2018 HĐQT Công ty có 05 thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lĩnh vực đào tạo
1	Ông. Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư cơ điện mô, kỹ sư quản trị DN, cử nhân tin học.
2	Ông. Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư khai thác, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
3	Bà. Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT	Thạc sỹ kinh tế, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
4	Ông. Hà Văn Chuyên	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư điện khí hóa
5	Ông. Trịnh Quốc Bình	Ủy viên HĐQT	Thạc sỹ QTKD, dịch vụ tài chính

2. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu ra. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành



Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hoạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính Công ty. Ban kiểm soát còn có các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Bà. Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng ban	0%	
2	Ông. Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên	0,101%	Đến ngày 05/04/2018
3	Bà. Hồ Thị Huệ	Ủy viên	0%	Đến ngày 05/04/2018
4	Bà. Hoàng Thị Thúy	Ủy viên	4,997%	Từ ngày 05/04/2018
5	Bà. Lê Thị Hồng Cẩm	Ủy viên	0%	Từ ngày 05/04/2018

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

a. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018:

- Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh trong năm 2018 theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 đã đề ra;

- Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành của Công ty; để từ đó nắm bắt sát sao với tình hình thực tiễn tại các bộ phận đơn vị trong Công ty nhằm kiểm soát các hoạt động của đơn vị đúng với quy định của Pháp luật cũng như phương hướng của ĐHĐCĐ;

- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, các văn bản quy định phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành. Trong năm Công ty đã ban hành và sửa đổi một số quy chế như: Quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; quy chế thi đua, khen thưởng; quy chế quản lý đầu tư xây dựng; quy chế khoán quản trị SXKD; quy chế quản lý vật tư.

- Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết và xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng; phê duyệt và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, bàn bạc thực hiện các chiến lược kinh doanh của Công ty như Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã họp;



- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính hàng tháng và thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm 2018 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán PKF Việt Nam.

b. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát đã triệu tập 5 cuộc họp để phân công nhiệm vụ cho các thành viên và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

+ Lần 1, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý IV và năm 2017.

+ Lần 2, họp sau khi bầu xong Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023);

+ Lần 3, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý I năm 2018;

+ Lần 4, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý II và 6 tháng đầu năm 2018.

+ Lần 5, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý III và 9 tháng đầu năm 2018.

Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên trong Ban kiểm soát nhất trí 100%.

c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trong năm 2018 như sau:

*** Về công tác quản trị và điều hành Công ty:**

- Hội đồng quản trị:

+ HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

+ Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

+ HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

+ HĐQT giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đề ra.



+ Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, luật pháp nhà nước; phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Năm 2018 HĐQT đã định hướng, chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

- Ban Điều hành:

Cùng với HĐQT, Ban điều hành có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Trong năm 2018 thị trường tiêu thụ xi măng có những chuyển biến tích cực, xuất khẩu clinker cao nhất từ trước đến nay tuy nhiên mức độ cạnh tranh vẫn diễn ra khốc liệt; Song Ban điều hành đã nỗ lực tìm các giải pháp để hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh công tác tiêu thụ, cụ thể:

+ Công ty đã có những giải pháp thích hợp để tăng hiệu quả SXKD; sản lượng tiêu thụ xi măng đã hoàn thành vượt mức với kế hoạch đề ra, đồng thời Công ty đã có giải pháp tích cực giữ vững được thị trường truyền thống, tăng giá bán xi măng cao hơn so với kế hoạch giao giúp tăng hiệu quả kinh doanh của công ty.

+ Tăng mức Clinker, tăng tỷ lệ pha phụ gia so với kế hoạch, góp phần giảm giá thành sản phẩm và ổn định được chất lượng sản phẩm.

+ Điều hành và kiểm soát tốt về năng suất các thiết bị chính như: máy nghiền liệu, nghiền than, nghiền xi măng nên đã đảm bảo duy trì sản xuất giảm thời gian huy động giờ cao điểm, tận dụng tối đa thời gian thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, tăng hiệu quả kinh doanh.

Kết quả năm 2018, bộ máy điều hành đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cụ thể: Lợi nhuận trước thuế đạt 39.132,13 tr đồng/kế hoạch 25.000 triệu đồng bằng 156,53% so với kế hoạch, cổ tức chi trả dự kiến 17% / kế hoạch 12%;

Trong năm 2018, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của



Công ty. Ban kiểm soát cho rằng tất cả các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

*** Về tình hình hoạt động tài chính kế toán của Công ty:**

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban kiểm soát đánh giá cao bộ phận Tài chính - Kế toán Công ty trong việc cập nhật và áp dụng kịp thời, đúng, đủ các thay đổi của chế độ kế toán và quy định của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng Việt Nam trong việc lập báo cáo.

Sau khi thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán PKF Việt Nam, Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính kế toán hiện tại của Công ty.

*** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Nhìn chung những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Công ty thể hiện sự ổn định và an toàn cho thấy Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi có hệ thống quản trị tốt và hiệu quả. Tuy nhiên hệ số về khả năng thanh toán nợ đến hạn còn thấp so với yêu cầu chung.

*** Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:**

Giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ.

Trong năm 2018, HĐQT cùng Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.



*** Kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành:**

Trong bối cảnh nền kinh tế nước nhà đang trên đà tăng trưởng trở lại và ngày càng hội nhập sâu rộng, nhiều hiệp định thương mại cũng được cho sẽ tạo động lực cho sự tăng trưởng của nền kinh tế như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA)... đang đưa Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVM đến với nhiều cơ hội cũng như thách thức rất lớn; Bên cạnh đó cổ phiếu Công ty đã được thực hiện niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội bởi vậy để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2019, tạo được giá trị cổ phiếu trên sàn, đem lại lợi ích cho cổ đông Ban kiểm soát đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

- Về tình hình thực hiện tái cơ cấu lao động: Cân đối lao động để đảm bảo đủ định biên cho dây chuyền sản xuất chính. Có lộ trình giảm thiểu lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ về đúng mô hình mẫu. Gắn chính sách tiền lương với các chính sách quản lý; Ban hành và áp dụng quy chế tiền lương mới khuyến khích người lao động và cán bộ quản lý phát huy hết khả năng trong lao động sản xuất để tạo ra khối lượng sản phẩm với năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất cao nhất.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đưa công nghệ 4.0 vào thực tiễn nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục quản lý tốt chất lượng vật liệu sản xuất, phối liệu sống nhằm nâng cao chất lượng clinker sản xuất để tăng tỷ lệ pha phụ gia trong xi măng và giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một tấn sản phẩm.

- Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị hợp lý, đúng định kỳ đồng thời tăng cường công tác kiểm tra sớm phát hiện các sự cố về thiết bị, công nghệ có thể xảy ra để có phương án xử lý kịp thời nhằm đưa thiết bị trở lại hoạt động sớm nhất có thể. Tìm hiểu và phân tích rõ nguyên nhân gây ra sự cố từ đó đưa ra biện pháp đề phòng nhằm hạn chế việc phải dừng nhiều lần do cùng một nguyên nhân để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng thời gian hoạt động của thiết bị.

- Tiếp tục tăng cường các hoạt động Marketing, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, giữ vững và phát triển trên thị trường truyền thống; đặc biệt là thị trường tỉnh Thái Nguyên và không ngừng phát triển thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời



- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, an toàn và tăng vòng quay vốn. Có các biện pháp hữu hiệu để tăng hệ số khả năng thanh toán, giảm hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

- Điều hành một cách linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019.

- Tăng cường giám sát, thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

- Sau khi đại hội cổ đông thông qua quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2018. Đề nghị Công ty phối hợp với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo phương án đã được Đại hội thông qua./.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và viên chức quản lý đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 05/04/2018 đã thông qua, trong năm 2018 tiền lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác cho các thành viên HĐQT, BKS và viên chức quản lý thực nhận như sau (bao gồm cả quyết toán lương, thưởng, thù lao năm 2017 và tạm ứng năm 2018):

DVT: Tr.đ

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Các khoản khác	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị						
1	Đỗ Huy Hùng	CT HĐQT		8,03	78,54	2,50	89,07
2	Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT			72,00		72,00
3	Lê Thị Thu Hiền	TV HĐQT			72,00		72,00
4	Phạm Mạnh Tiến (1)	TV HĐQT		9,63	36,00		45,63
5	Trần Việt Cường (2)	TV HĐQT		9,63	36,00		45,63
6	Hà Văn Chuyên (3)	TV HĐQT			36,00	2,50	38,50
7	Trịnh Quốc Bình (4)	TV HĐQT			36,00	2,50	38,50
II	Ban kiểm soát						

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Các khoản khác	Tổng cộng
1	Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng BKS	233,88	9,10		3,00	245,98
2	Nguyễn Xuân Hậu (5)	UV BKS		9,95	40,56	3,00	53,51
3	Hồ Thị Huệ (6)	UV BKS		9,41	40,56		49,97
4	Hoàng Thị Thủy (7)	UV BKS			36,00	2,50	38,50
5	Lê Thị Hồng Cẩm (8)	UV BKS			36,00	2,50	38,50
III	Viên chức quản lý						
1	Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc	403,64	61,06		4,00	468,70
2	Lê Bá Chức	Phó GD	382,91	53,56		3,00	439,47
3	Vũ Ngọc Bách	Phó GD	360,57	53,56		3,00	417,13
4	Nguyễn Văn Tập (9)	Phó GD	235,50	53,43		21,00	309,93
5	Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	319,70	48,47		3,00	371,17

(1) Thành viên HĐQT đến ngày 05/04/2018

(2) Thành viên HĐQT đến ngày 05/04/2018

(3) Thành viên HĐQT từ ngày 05/04/2018

(4) Thành viên HĐQT từ ngày 05/04/2018

(5) Thành viên BKS đến ngày 05/04/2018

(6) Thành viên BKS đến ngày 05/04/2018

(7) Thành viên BKS từ ngày 05/04/2018

(8) Thành viên BKS từ ngày 05/04/2018

(9) Viên chức quản lý đến ngày 31/08/2019

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2018 cổ đông lớn và những người có liên quan có thực hiện việc giao dịch cổ phiếu của Công ty như sau:

Số TT	Họ và tên	CP Tăng	CP Giảm	CP hiện có tại 31/12/2018
1	Đổng Quang Lực	19.800		596.300
2	Hoàng Thị Thủy	109.000		499.700

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

59



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

Trong năm Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng mua bán, dịch vụ với cổ đông nội bộ và các bên liên quan như sau:

- Hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Hợp đồng mua bán vỏ bao với Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI.

- Hợp đồng mua bán xi măng với HTX sản xuất - dịch vụ Hoàng Thịnh Phát.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Luôn ý thức tuân thủ và thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật các quy định về quản trị công ty. Xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả trong quản trị Công ty như:

- Nâng cao nhận thức về vai trò và nguyên tắc quản trị
- Chủ động áp dụng các công cụ để nâng cao chuẩn mực quản trị công ty
- Gắn kết mục tiêu quản trị công ty với mục tiêu phát triển bền vững
- Xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế nội bộ.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Kèm theo BCTC năm 2018 được kiểm toán)

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 03 năm 2019

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 43

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiền, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 03 ngày 21/05/2014, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND được chia thành 10.000.000 cổ phần, danh sách cổ đông như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	5.138.300	51,38%
2	Các đối tượng khác	4.861.700	48,62%
	Cộng	10.000.000	100%

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | | |
|-----------------------|-------------------------------|-----|
| - Ông Đỗ Huy Hùng | Chủ tịch HĐQT | |
| - Ông Nguyễn Văn Dũng | Ủy viên | |
| - Ông Phạm Mạnh Tiến | Ủy viên (Đến ngày 05/04/2018) | (i) |
| - Ông Trần Việt Cường | Ủy viên (Đến ngày 05/04/2018) | (i) |
| - Bà Lê Thị Thu Hiền | Ủy viên | |
| - Ông Hà Văn Chuyển | Ủy viên (Từ ngày 05/04/2018) | (i) |
| - Ông Trịnh Quốc Bình | Ủy viên (Từ ngày 05/04/2018) | (i) |

- (i) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2018 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Giám đốc:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | |
|-----------------------|------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Văn Dũng | Giám đốc |
| - Ông Lê Bá Chức | Phó Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Văn Tập | Phó Giám đốc (Đến ngày 31/08/2018) |
| - Ông Vũ Ngọc Bách | Phó Giám đốc |

Ban Kiểm soát:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | | |
|--------------------------|-------------------------------|-----|
| - Bà Nguyễn Thị Thu Hoài | Trưởng ban | |
| - Ông Nguyễn Xuân Hậu | Ủy viên (Đến ngày 05/04/2018) | (i) |
| - Bà Hồ Thị Huệ | Ủy viên (Đến ngày 05/04/2018) | (i) |
| - Bà Lê Thị Hồng Cẩm | Ủy viên (Từ ngày 05/04/2018) | (i) |
| - Bà Hoàng Thị Thúy | Ủy viên (Từ ngày 05/04/2018) | (i) |

(i) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2018 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI.

Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

4. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

5. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2019

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng

Số: 12 /2019/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI được lập ngày 25 tháng 02 năm 2019, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 43 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2018-242-1

Nguyễn Thị Thương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3381-2015-242-1



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI
Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.396.903.625	42.490.135.088
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.637.597.972	2.923.514.629
Tiền	111	5.1	1.637.597.972	2.923.514.629
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.193.024.863	21.700.092.596
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	29.654.547.271	21.007.960.727
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		711.304.071	1.035.927.348
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.093.126.548	990.495.954
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(1.265.953.027)	(1.334.291.433)
Hàng tồn kho	140	5.5	14.566.280.790	17.866.527.863
Hàng tồn kho	141		14.811.555.898	19.188.442.023
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(245.275.108)	(1.321.914.160)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		301.181.636.256	356.625.259.516
Các khoản phải thu dài hạn	210		424.607.364	381.351.904
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	424.607.364	381.351.904
Tài sản cố định	220		292.982.030.331	349.291.627.672
TSCĐ hữu hình	221	5.7	278.286.116.421	333.875.255.048
- Nguyên giá	222		916.820.372.400	917.938.975.770
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(638.534.255.979)	(584.063.720.722)
TSCĐ vô hình	227	5.8	14.695.913.910	15.416.372.624
- Nguyên giá	228		21.458.340.973	21.458.340.973
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6.762.427.063)	(6.041.968.349)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.042.371.702	3.505.237.690
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	2.042.371.702	3.505.237.690
Tài sản dài hạn khác	260		5.732.626.859	3.447.042.250
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	5.732.626.859	3.447.042.250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		347.578.539.881	399.115.394.604

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		183.806.925.029	246.344.788.951
Nợ ngắn hạn	310		153.583.822.998	220.345.387.856
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	35.659.631.184	36.108.090.988
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		531.542.166	564.044.055
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	17.830.329.659	6.710.258.656
Phải trả người lao động	314		24.609.002.699	25.415.378.305
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	4.112.161.380	4.125.611.885
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.987.609.718	1.391.546.107
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	64.237.934.288	141.327.440.950
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.615.611.904	4.703.016.910
Nợ dài hạn	330		30.223.102.031	25.999.401.095
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	29.798.494.667	25.618.049.191
Dự phòng phải trả dài hạn	342		424.607.364	381.351.904
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		163.771.614.852	152.770.605.653
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	163.771.614.852	152.770.605.653
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
Quỹ đầu tư phát triển	418		32.114.635.437	24.327.394.348
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.192.503.259	27.978.735.149
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.192.503.259	27.978.735.149
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		347.578.539.881	399.115.394.604

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ HẰNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ THU HIỀN

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2019

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN DŨNG

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI
Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	720.636.711.235	650.532.113.029
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		720.636.711.235	650.532.113.029
Giá vốn hàng bán	11	6.2	633.088.741.953	560.804.888.662
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		87.547.969.282	89.727.224.367
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.303.641.786	2.267.008.099
Chi phí tài chính	22	6.4	11.074.527.881	17.437.311.642
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.070.485.932	17.415.597.291
Chi phí bán hàng	25	6.7	13.486.359.290	9.280.930.969
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	26.633.577.508	30.254.627.614
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.657.146.389	35.021.362.241
Thu nhập khác	31	6.5	580.857.899	1.012.130.438
Chi phí khác	32	6.6	105.873.172	998.859.993
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		474.984.727	13.270.445
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.132.131.116	35.034.632.686
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	7.939.627.857	7.055.897.537
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		31.192.503.259	27.978.735.149
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	3.119	2.798

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Hàng

Thu Hiền



NGUYỄN THỊ HÀNG

LÊ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN VĂN DŨNG

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI
Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	39.132.131.116	35.034.632.686
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	59.454.649.415	54.609.777.250
Các khoản dự phòng	03	(1.101.721.998)	(582.240.934)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(526.509.699)	(9.115.825)
Chi phí lãi vay	06	11.070.485.932	17.415.597.291
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	108.029.034.766	106.468.650.468
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(8.412.731.771)	(8.365.007.120)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	4.376.886.125	9.499.098.781
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	9.754.002.535	(2.480.709.766)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(2.285.584.609)	(3.447.042.250)
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.946.766.017)	(16.614.247.058)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.009.654.882)	(6.628.018.949)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	158.906.875	139.330.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.492.923.491)	(4.111.403.431)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	91.171.169.531	74.460.650.675
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(5.117.363.264)	(1.492.481.371)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	509.859.913	-
Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.649.786	9.115.825
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.590.853.565)	(1.483.365.546)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	546.234.225.011	523.078.451.370
Tiền trả nợ gốc vay	34	(619.143.286.197)	(579.394.310.952)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.957.171.437)	(14.937.727.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(87.866.232.623)	(71.253.587.082)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50	(1.285.916.657)	1.723.698.047
Tiền và tương đương tiền cuối năm	60	2.923.514.629	1.199.816.582
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.637.597.972	2.923.514.629

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC







NGUYỄN THỊ HẰNG

LÊ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN VĂN DŨNG

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV- CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiền, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm xá);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê văn phòng, kho bãi);
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 609 người, trong đó số cán bộ quản lý là 48 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu chính Bình quân theo tháng
- Các hàng tồn kho còn lại Phương pháp bình quân di động

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của bán thành phẩm tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: từ 5 đến 25 năm
- Máy móc thiết bị: từ 08 đến 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: từ 06 đến 10 năm
- Thiết bị quản lý: 05 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài Công ty không trích khấu hao. Việc tính khấu hao của tài sản cố định vô hình phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Quyền sử dụng đất: từ 27 đến 30 năm
- Tài sản cố định khác: 05 năm

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm phí sử dụng tài liệu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị của các phụ tùng, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 4600422240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 01/01/2008 và thay đổi lần thứ 3 ngày 21/05/2014, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	51.383.000.000	51.383.000.000	100%
Các cổ đông khác	48.617.000.000	48.617.000.000	100%
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000	100%

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13. Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong năm tài chính.

4.15. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền

		31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	308.717.475	889.767.719
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	1.328.880.497	2.033.746.910
Cộng		1.637.597.972	2.923.514.629

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2018 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam	-	308.717.475
Cộng	-	308.717.475

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2018 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		1.328.878.773
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	142.170.526
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	243.718.619
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	229.171.345
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	-	704.230.306
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	9.587.977
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn, Thái Nguyên	-	1.724
Ngoại tệ	-	-
Tổng cộng	-	1.328.880.497

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	29.654.547.271	21.007.960.727
Sở tài chính tỉnh Thái Nguyên	7.957.680.000	14.957.680.000
Ủy ban nhân dân xã Tràng Xá	4.021.360.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	17.675.507.271	6.050.280.727
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	29.654.547.271	21.007.960.727
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Biểu Số 03		

5.3 Phải thu khác

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.093.126.548	-	990.495.954	-
Phải thu người lao động	743.656.994	-	462.986.430	-
Tạm ứng	3.327.514	-	201.721.435	-
Phải thu khác	346.142.040	-	231.824.233	-
b. Dài hạn	424.607.364	-	381.351.904	-
Ký cược, ký quỹ	424.607.364	-	381.351.904	-
Cộng	1.517.733.912	-	1.371.847.858	-

5.4 Nợ xấu

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	1.601.001.228	335.048.201	2.160.931.654	826.640.221
+ Từ 3 năm trở lên	904.104.826	-	377.747.052	-
Công ty CP Bê tông Đức Liếm	-	-	158.520.000	-
Công ty TNHH Dương Giang Thái Nguyên	749.108.900	-	-	-
Các đối tượng khác	154.995.926	-	219.227.052	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMİ

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Nợ xấu (tiếp theo)				
+ Từ 2 đến dưới 3 năm	67.000.000	20.100.000	997.972.500	299.391.750
<i>Công ty TNHH Dương Giang Thái Nguyên</i>	-	-	971.907.500	291.572.250
<i>Doanh nghiệp tư nhân Quang Tuyến</i>	67.000.000	20.100.000	-	-
<i>Các đối tượng khác</i>	-	-	26.065.000	7.819.500
+ Từ 1 đến dưới 2 năm	629.896.402	314.948.201	112.000.000	56.000.000
<i>Doanh nghiệp tư nhân Quang Tuyến</i>	-	-	112.000.000	56.000.000
<i>Công ty CP tấm lợp và VLXD Thái Nguyên</i>	536.116.402	268.058.201	-	-
<i>Các đối tượng khác</i>	93.780.000	46.890.000	-	-
+ Dưới 1 năm	-	-	673.212.102	471.248.471
<i>Công ty CP tấm lợp và VLXD Thái Nguyên</i>	-	-	673.212.102	471.248.471
Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	1.601.001.228	335.048.201	2.160.931.654	826.640.221

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.153.884.489	245.275.108	6.021.561.239	1.321.914.160
Công cụ, dụng cụ	44.118.903	-	45.849.206	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.613.552.506	-	13.121.031.578	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
Cộng	14.811.555.898	245.275.108	19.188.442.023	1.321.914.160

Trong đó:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 245.275.108 đồng. Nguyên nhân và hướng xử lý: Đây là các vật tư của các kho dây truyền, lò quay, thiết bị động cơ tồn đọng không sử dụng đến, bị mất phẩm chất không đáp ứng nhu cầu sử dụng. Hướng xử lý tiếp tục (nếu được) và thanh lý theo trình tự quản lý vật tư của Công ty.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ: 14.566.280.790 đồng.
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do trong năm một số vật tư Công ty đã cho gia công chế tạo lại để phù hợp với thiết bị và đưa vào sử dụng, một số vật tư được chuyển nhượng để thu hồi vốn.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
b. Xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm	-	-
Xây dựng cơ bản	2.042.371.702	3.505.237.690
- Chi phí xây dựng công trình mỏ đá với Đồng Chuông	-	1.907.485.890
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mỏ sét Cúc Đường	1.597.751.800	1.597.751.800
- Hệ thống quan trắc khí thải tự động	444.619.902	-
Sửa chữa	-	-
Cộng	2.042.371.702	3.505.237.690

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	321.569.377.803	569.399.207.269	26.651.299.789	319.090.909	917.938.975.770
- Mua trong năm	-	882.500.000	-	-	882.500.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.262.552.074	-	-	-	2.262.552.074
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(115.488.663)	(756.220.522)	(3.391.946.259)	-	(4.263.655.444)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	323.716.441.214	569.525.486.747	23.259.353.530	319.090.909	916.820.372.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	180.282.980.315	377.857.541.892	25.604.107.606	319.090.909	584.063.720.722
- Khấu hao trong năm	13.772.231.305	44.200.972.424	760.986.972	-	58.734.190.701
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(115.488.663)	(756.220.522)	(3.391.946.259)	-	(4.263.655.444)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	193.939.722.957	421.302.293.794	22.973.148.319	319.090.909	638.534.255.979
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	141.286.397.488	191.541.665.377	1.047.192.183	-	333.875.255.048
Tại ngày cuối năm	129.776.718.257	148.223.192.953	286.205.211	-	278.286.116.421
- Giá trị còn lại tài sản cầm cố thế chấp:					271.071.521.199
- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết, đang sử dụng:					265.938.727.582
- Nguyên giá tài sản chờ thanh lý:					-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	19.826.066.535	-	1.632.274.438	21.458.340.973
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	19.826.066.535	-	1.632.274.438	21.458.340.973
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu năm	4.409.693.911	-	1.632.274.438	6.041.968.349
- Khấu hao trong năm	720.458.714	-	-	720.458.714
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	5.130.152.625	-	1.632.274.438	6.762.427.063
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	15.416.372.624	-	-	15.416.372.623
Tại ngày cuối năm	14.695.913.910	-	-	14.695.913.910

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.632.274.438

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	5.732.626.859	3.447.042.250
Phí sử dụng tài liệu	1.422.601.250	1.497.474.998
Chi phí sửa chữa lớn	1.169.740.352	1.949.567.252
Tuyến đường từ mỏ Đồng Chuông ra QL 1B	3.140.285.257	-
Cộng	5.732.626.859	3.447.042.250

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2018 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2018 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	116.327.440.950	116.327.440.950	540.234.549.276	592.324.055.938	64.237.934.288	64.237.934.288
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	48.735.570.000	48.735.570.000	279.739.572.602	301.824.142.602	26.651.000.000	26.651.000.000
Vay Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	25.007.000.000	25.007.000.000	114.516.618.698	131.996.618.698	7.527.000.000	7.527.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	42.584.870.950	42.584.870.950	145.978.357.976	158.503.294.638	30.059.934.288	30.059.934.288
b. Gốc vay dài hạn	50.618.049.191	50.618.049.191	5.999.675.735	26.819.230.259	29.798.494.667	29.798.494.667
Từ 1 đến 5 năm	50.618.049.191	50.618.049.191	5.999.675.735	26.819.230.259	29.798.494.667	29.798.494.667
Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-	-
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	98.666.680	98.666.680	-	98.666.680	-	-
Vay Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	-	-	-	-	-
Các đối tượng cá nhân khác	25.519.382.511	25.519.382.511	5.999.675.735	1.720.563.579	29.798.494.667	29.798.494.667
Từ trên 5 năm đến 10 năm	-	-	-	-	-	-
Cộng	166.945.490.141	166.945.490.141	546.234.225.011	619.143.286.197	94.036.428.955	94.036.428.955

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.10 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

c. Phân loại vay dài hạn đến hạn trả

	01/01/2018 (VND)		31/12/2018 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-
Vay NH TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	-	-	-
Vay NH TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	-	-	-	-
Các đối tượng cá nhân khác	-	-	-	-
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-
d. Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính	166.945.490.141	166.945.490.141	94.036.428.955	94.036.428.955
d1 Vay và nợ ngắn hạn (d1 = a+c)	141.327.440.950	141.327.440.950	64.237.934.288	64.237.934.288
d2 Vay và nợ dài hạn (d2 = b-c)	25.618.049.191	25.618.049.191	29.798.494.667	29.798.494.667

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	35.659.631.184	35.659.631.184	36.108.090.988	36.108.090.988
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP	-	-	446.937.970	446.937.970
Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	2.865.971.215	2.865.971.215	11.948.010.445	11.948.010.445
Doanh nghiệp tư nhân Trung Lương	678.822.519	678.822.519	979.949.748	979.949.748
Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật Nhất Kiên	4.323.000.000	4.323.000.000	-	-
Công ty CP đầu tư khoáng sản Đại Dương	3.925.042.110	3.925.042.110	-	-
Các nhà cung cấp khác	23.866.795.340	23.866.795.340	22.733.192.825	22.733.192.825
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	35.659.631.184	35.659.631.184	36.108.090.988	36.108.090.988

c. Phải trả người bán là các bên liên quan: BIỂU SỐ 3

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM
Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018 (VND)
a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.213.844.887	21.520.574.509	14.878.417.941	9.856.001.455
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.097.374.568	7.971.464.515	4.009.654.882	7.059.184.201
Thuế thu nhập cá nhân	248.333.655	845.739.473	835.228.831	258.844.297
Thuế Tài nguyên	103.596.028	1.230.230.384	843.522.994	490.303.418
Các loại thuế khác	18.348.119	573.668.635	573.668.635	18.348.119
Các khoản phí, lệ phí	28.761.399	3.106.611.541	2.987.724.771	147.648.169
Cộng	6.710.258.656	35.248.289.057	24.128.218.054	17.830.329.659
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Cộng	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Ngắn hạn	4.112.161.380	4.125.611.885
Lãi vay	1.437.817.435	1.314.097.520
Chi phí điện năng tiêu thụ	2.474.283.945	2.529.879.870
Các khoản trích trước khác	200.060.000	281.634.495
b. Dài hạn	-	-
Cộng	4.112.161.380	4.125.611.885

5.14 Phải trả khác

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Ngắn hạn	1.987.609.718	1.391.546.107
Kinh Phí Công Đoàn	122.544.942	60.788.586
Cổ tức trả cổ đông	273.412.313	230.583.750
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.591.652.463	1.100.173.771
b. Dài hạn	-	-
Cộng	1.987.609.718	1.391.546.107

TÔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.15 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ ĐT PT	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	464.476.156	-	24.327.394.348	-	124.791.870.504
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	27.978.735.149	27.978.735.149
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/ đầu năm nay	100.000.000.000	464.476.156	-	24.327.394.348	27.978.735.149	152.770.605.653
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	31.192.503.259	31.192.503.259
Tăng khác	-	-	-	7.787.241.089	-	7.787.241.089
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(27.978.735.149)	(27.978.735.149)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	464.476.156	-	32.114.635.437	31.192.503.259	163.771.614.852

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	51.383.000.000	51.383.000.000
Các đối tượng khác	48.617.000.000	48.617.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn đầu tư đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn đầu tư tăng trong năm	-	-
Vốn đầu tư giảm trong năm	-	-
Vốn đầu tư cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Số lượng CP đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

Các quỹ của Công ty

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	32.114.635.437	24.327.394.348
Cộng	32.114.635.437	24.327.394.348

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMİ

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	720.636.711.235	650.532.113.029
Doanh thu bán hàng	718.062.384.998	644.615.455.936
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.574.326.237	5.916.657.093

6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	630.222.799.807	551.013.705.815
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.500.757.363	5.184.097.716
Tiền cấp quyền	2.441.823.835	5.405.297.615
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.076.639.052)	(798.212.484)
Cộng	633.088.741.953	560.804.888.662

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.852.566	9.115.825
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
Chiết khấu thanh toán tiền than	2.286.992.000	2.247.869.100
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.797.220	10.023.174
Cộng	2.303.641.786	2.267.008.099

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền vay	11.070.485.932	17.415.597.291
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Chi phí tài chính khác	4.041.949	21.714.351
Cộng	11.074.527.881	17.437.311.642

6.5 Thu nhập khác

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	491.185.368	-
Bán, cho thuê tài sản	-	136.363.636
Thu khác	89.672.531	875.766.802
Cộng	580.857.899	1.012.130.438

6.6 Chi phí khác

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Các khoản khác	105.873.172	998.859.993
Cộng	105.873.172	998.859.993

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	26.701.915.914	30.254.627.614
Chi phí nhân viên quản lý	16.726.210.000	15.853.300.000
Chi phí vật liệu quản lý	321.627.637	1.638.327.811
Chi phí đồ dùng văn phòng	326.359.356	765.019.289
Chi phí khấu hao TSCĐ	473.529.660	296.354.660
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	174.229.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	735.975.925	974.583.285
Chi phí bằng tiền khác	8.115.213.336	10.549.813.375
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	13.486.359.290	9.280.930.969
Chi phí nhân viên	2.468.415.298	2.444.100.000
Chi phí vật liệu, bao bì	2.639.974.040	277.954.945
Chi phí dụng cụ đồ dùng	212.241.447	247.849.773
Chi phí khấu hao TSCĐ	327.894.397	609.173.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.302.130.566	1.185.647.551
Chi phí bằng tiền khác	6.535.703.542	4.516.205.385
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	(68.338.406)	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(68.338.406)	-
Cộng	40.119.936.798	39.535.558.583

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
a. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	685.459.247.148	601.089.268.979
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	500.436.266.443	434.112.876.462
Chi phí nhân công	88.678.957.029	85.588.458.662
Chi phí khấu hao TSCĐ	59.454.649.415	52.207.254.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.653.620.544	7.497.161.471
Chi phí khác bằng tiền	21.235.753.717	21.683.517.750
b. Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Cộng	685.459.247.148	601.089.268.979

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Thu nhập tính thuế TNDN trong năm	723.521.210.920	653.811.251.566
Tổng chi phí phát sinh trong năm	684.389.079.804	618.776.618.880
Chi phí không hợp lý để tính thuế TNDN	566.008.172	244.855.000
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	39.698.139.288	35.279.487.686
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.939.627.857	7.055.897.537
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.939.627.857	7.055.897.537

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	31.192.503.259	27.978.735.149
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	31.192.503.259	27.978.735.149
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.119	2.798

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	546.234.225.011
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	619.143.286.197
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.637.597.972	-	1.637.597.972

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	29.654.547.271	-	29.654.547.271
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	1.093.126.548	424.607.364	1.517.733.912
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.265.953.027)	-	(1.265.953.027)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Tổng cộng	31.119.318.764	424.607.364	31.543.926.128
Ngày 31/12/2018			
Các khoản vay và nợ	64.237.934.288	29.798.494.667	94.036.428.955
Phải trả người bán	35.659.631.184	-	35.659.631.184
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	23.930.100.757	-	23.930.100.757
Tổng cộng	123.827.666.229	29.798.494.667	153.626.160.896
Chênh lệch thanh khoản thuần	(92.708.347.465)	(29.373.887.303)	(122.082.234.768)
Ngày 01/01/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.923.514.629	-	2.923.514.629
Phải thu khách hàng	21.007.960.727	-	21.007.960.727
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	990.495.954	381.351.904	1.371.847.858
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.334.291.433)	-	(1.334.291.433)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Tổng cộng	23.587.679.877	381.351.904	23.969.031.781
Ngày 01/01/2018			
Các khoản vay và nợ	141.327.440.950	25.618.049.191	166.945.490.141
Phải trả người bán	36.108.090.988	-	36.108.090.988
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	12.227.416.648	-	12.227.416.648
Tổng cộng	189.662.948.586	25.618.049.191	215.280.997.777
Chênh lệch thanh khoản thuần	(166.075.268.709)	(25.236.697.287)	(191.311.965.996)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) **Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	30.747.673.819	22.379.808.585	30.747.673.819	22.379.808.585
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	1.637.597.972	2.923.514.629	1.637.597.972	2.923.514.629
Tổng cộng	32.385.271.791	25.303.323.214	32.385.271.791	25.303.323.214
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	94.036.428.955	166.945.490.141	94.036.428.955	166.945.490.141
<i>Phải trả người bán</i>	35.659.631.184	36.108.090.988	35.659.631.184	36.108.090.988
<i>Phải trả khác</i>	23.930.100.757	12.227.416.648	23.930.100.757	12.227.416.648
Tổng cộng	153.626.160.896	215.280.997.777	153.626.160.896	215.280.997.777

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8.2 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán xi măng, clinker, hoạt động kinh doanh dịch vụ điện, nước chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% về doanh thu và dưới 10% về tài sản để thực hiện các hoạt động khác này), do đó công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	% Sở hữu
Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam	Hà Nội	Tập đoàn	-
Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Hà Nội	Công ty Mẹ	51,3830%
Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	Thái Nguyên	Trong cùng Tập đoàn	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Hà Nội	Trong cùng Tổng Công ty	-
Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	Quảng Ninh	Trong cùng Tập đoàn	-
Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Thái Nguyên	Trong cùng Tổng Công ty	-
Trường cao đẳng Nghề Than - KS Việt Nam	Quảng Ninh	Trong cùng Tập đoàn	-
Công ty CP cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	Hà Nội	Trong cùng Tổng Công ty	-
Công ty Cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	Thái Nguyên	Trong cùng Tổng Công ty	-
Bệnh viện Than - Khoáng sản	Hà Nội	Trong cùng Tập đoàn	-
Công ty than Núi Hồng - VVMI	Thái Nguyên	Trong cùng Tổng Công ty	-
Công ty than Khánh Hòa - VVMI	Thái Nguyên	Trong cùng Tổng Công ty	-
Trung tâm điều dưỡng ngành than - VVMI	Thanh Hóa	Trong cùng Tổng Công ty	-
Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI	Thái Nguyên	Trong cùng Tổng Công ty	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thu nhập trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lương thưởng của Ban Giám đốc	1.908.225.000	1.902.225.497
Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị	330.390.000	484.845.268
Thù lao, lương, thưởng của Ban kiểm soát	432.000.000	250.046.242
Cộng	2.670.615.000	2.637.117.007

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Biểu số 01: Báo cáo vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua nội bộ tập đoàn
- Biểu số 02: Báo cáo doanh thu bán nội bộ tập đoàn.
- Biểu số 03: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

8.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HẰNG

LÊ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN VĂN DŨNG

TỔNG HỢP MUA VẬT TƯ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	
	Tổng mua	222.352.321.321
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	128.568.831.088
	Hàng hoá	128.568.831.088
2	Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai	723.206.000
	Hàng hoá	723.206.000
3	Công ty Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVM	2.154.862.000
	Hàng hoá	2.154.862.000
4	Trường cao đẳng nghề than - Khoáng sản Việt Nam	88.577.727
	Dịch vụ	88.577.727
5	Công ty Cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVM	34.080.000
	Hàng hoá	34.080.000
6	Công ty Cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVM	3.735.444.898
	Dịch vụ, Hàng hóa	3.735.444.898
7	Bệnh viện than - Khoáng sản Việt Nam	271.860.300
	Dịch vụ	271.860.300
8	Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị - VVM	67.052.447.804
	Hàng hoá	67.052.447.804
9	Công ty Công nghiệp hoá chất Mỏ Thái Nguyên	326.330.770
	Hàng hoá	326.330.770
10	Công ty Than Núi Hồng - VVM	113.909.091
	Dịch vụ	113.909.091
11	Công ty Than Khánh Hoà - VVM	2.473.671.250
	Hàng hoá	2.473.671.250
12	Trung tâm điều dưỡng ngành than	644.531.818
	Dịch vụ	644.531.818
13	Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVM	9.964.284.049
	Hàng hoá	9.964.284.049
14	Tạp chí Than Khoáng sản Việt Nam	15.000.000
	Dịch vụ	15.000.000
15	Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng - VVM	1.996.086.040
	Dịch vụ	1.996.086.040
16	Trường quản trị kinh doanh Vinacomin	54.819.200
	Dịch vụ	54.819.200
17	Công ty Cổ phần Xi măng Tân Quang - VVM	3.969.233.090
	Hàng hoá	3.969.233.090
18	Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	165.146.195
	Dịch vụ	165.146.195

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2019

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Hàng

Thu Hiền



NGUYỄN THỊ HÀNG

LÊ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN VĂN DŨNG

BẢNG KÊ HÀNG BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

TT	Tên đơn vị mua	Doanh thu	
		Số lượng (tấn)	Giá trị VNĐ
1	Công ty Cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI		75.790.910
	<i>Xi măng bao 30</i>	78,00	73.118.182
	<i>Cước vận chuyển</i>		2.672.728
2	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh thiết bị - VVMI		909.091
	<i>Dịch vụ</i>		909.091
3	Công ty Than Khánh Hoà - VVMI		1.229.400.000
	<i>Vật tư</i>		-
	<i>Dịch vụ</i>		1.229.400.000
4	Công ty Cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI		497.120.000
	<i>Phế liệu</i>		497.120.000
5	Công ty cổ phần xi măng Quán triều VVMI		2.456.752.000
	<i>Xi măng bột PCB 30+40</i>	3.671,98	2.321.752.000
	<i>Dịch vụ</i>		135.000.000
6	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - VVMI		115.595.453
	<i>Xi măng bao PCB 30</i>	87,00	81.313.635
	<i>Xi măng bao PCB 40</i>	34,00	33.372.727
	<i>Dịch vụ</i>		909.091
7	Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI		2.377.499.728
	<i>Clinker</i>	3.671,98	2.377.499.728
	<i>Dịch vụ</i>		-
	Tổng cộng		6.753.067.182

NGƯỜI LẬP

Hàng

NGUYỄN THỊ HÀNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thu Hiền

LÊ THỊ THU HIỀN

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2019

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN DŨNG

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Các khoản công nợ			
		131	138	331	338
A	PHẢI THU	-	343.145.811	-	-
I	NGẮN HẠN	-	343.145.811	-	-
1	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV- CTCP	-	343.145.811	-	-
B	PHẢI TRẢ	-	-	3.349.288.408	-
I	NGẮN HẠN	-	-	3.349.288.408	-
1	Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVM	-	-	2.865.971.215	-
2	Công ty tư vấn quản lý dự án - Vinacomin	-	-	69.665.000	-
3	Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	-	-	74.456.503	-
4	Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc VVM	-	-	241.675.850	-
5	Công ty than Khánh Hoà - VVM	-	-	18.526.200	-
6	Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	-	-	78.993.640	-

NGƯỜI LẬP

Thị Hằng

NGUYỄN THỊ HẰNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thị Thu Hiền

LÊ THỊ THU HIỀN

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2019

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN DŨNG